



2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số điện thoại : 0225.626.3333

Số fax : 0225.353.3679

Website : www.quangbinhjsc.com.vn

Địa chỉ : Số 23, Lô 01, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Mục lục

MỞ ĐẦU

5	Danh mục từ viết tắt
---	----------------------

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

8

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

8

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi

9

Tổng quan công ty

10

Quá trình hình thành và phát triển

12

Giải thưởng

16

Ngành nghề kinh doanh

17

Địa bàn kinh doanh

18

Mục tiêu và định hướng phát triển

24

Các rủi ro trọng yếu

CHƯƠNG 2

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	30	Mô hình quản trị
	34	Giới thiệu Hội đồng quản trị
	35	Giới thiệu Ban Điều hành
	36	Giới thiệu Ban Kiểm soát
	38	Tổ chức và nhân sự
	40	Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2025 VÀ KẾ HOẠCH 2026	44	Phân tích vĩ mô và ngành 2025
	47	Tình hình hoạt động kinh doanh
	57	Báo cáo của Ban Điều hành

CHƯƠNG 4

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2025	62	Báo cáo của Hội đồng quản trị
	65	Báo cáo của Ban Kiểm soát
	66	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
	67	Báo cáo tình hình thực hiện quản trị công ty dựa trên thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

CHƯƠNG 5

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	82	Tầm nhìn bền vững
	86	Báo cáo tác động môi trường
	89	Chính sách người lao động
	90	Các chương trình với cộng đồng địa phương

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025	94	Báo cáo của Hội đồng quản trị
	96	Báo cáo kiểm toán độc lập
	98	Bảng cân đối kế toán
	100	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
	101	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
	102	Thuyết minh báo cáo tài chính



Danh mục từ viết tắt

BCTC	Báo cáo tài chính
BCQT	Báo cáo quản trị
BCTN	Báo cáo thường niên
BGD	Ban Giám đốc
BKS	Ban Kiểm soát
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐHCD	Đại hội cổ đông
GDBLQ	Giao dịch bên liên quan
GĐ	Giám đốc
HDQT	Hội đồng quản trị
KH	Kế hoạch
TH	Thực hiện
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
TPKD	Trưởng Phòng Kinh doanh
PKD	Phòng Kinh doanh
QBS	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
UBND	Ủy ban nhân dân
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG điệp từ Chủ tịch HĐQT	8
TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI	10
TỔNG QUAN CÔNG TY	11
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	12
GIẢI THƯỞNG	14
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	18
ĐỊA BÀN KINH DOANH	19
MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	20
CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU	24



Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị



BÀ TRẦN THỊ YẾN CHI - CHỦ TỊCH HĐQT

*Kính gửi: Quý Cổ đông, Nhà đầu tư,
Khách hàng, Đối tác,
Đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty,*

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang nỗ lực thiết lập một trật tự mới sau những rạn nứt về địa chính trị và sự đứt gãy của chuỗi cung ứng toàn cầu. Khác với giai đoạn biến động mạnh mẽ trước đó, thị trường năm qua chứng kiến sự phân hóa sâu sắc giữa các khu vực, nơi áp lực lạm phát và chi phí năng lượng duy trì ở mức cao đã tạo ra những thách thức trực tiếp đối với giá thành vật tư nông nghiệp. Đặc biệt, ngành phân bón nội địa đã bước vào một giai đoạn bản lề khi chính sách thuế VAT 5% chính thức áp dụng, cùng với đó là sức ép từ

biến đổi khí hậu và xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ sang nông nghiệp xanh. Những yếu tố mang tính thời đại này đã thay đổi căn bản cấu trúc nhu cầu tiêu thụ phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, gây áp lực không nhỏ lên kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong suốt năm vừa qua.

Trước tình hình đó, đội ngũ Ban điều hành và Nhân sự đã nỗ lực hết mình để chèo lái con tàu QBS vượt qua những “vùng xoáy” của thị trường. Dù doanh số thuần có sự sụt giảm mạnh phản ánh thực tế khắc nghiệt của giai đoạn tái cấu trúc, nhưng Công ty đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc thắt chặt kỷ luật tài chính. Việc quyết liệt tối ưu hóa bộ máy đã giúp cắt giảm đáng kể chi phí quản lý doanh nghiệp xuống còn 78,2 tỷ đồng, từ đó thu hẹp mức lỗ sau thuế xuống còn 78,3 tỷ đồng. Kết quả này không chỉ thể hiện khả năng chống chịu của hệ thống mà còn là minh chứng cho quyết tâm đưa doanh nghiệp về trạng thái vận hành tinh gọn, sẵn sàng cho những bước đi dài hơi hơn.



Trong những năm tiếp theo, Công ty tiếp tục hành trình định vị lại giá trị doanh nghiệp thông qua việc tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh một cách thực chất. Chúng tôi nỗ lực tập trung phát triển thương mại phân bón dựa trên các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận ổn định, đồng thời chủ động nghiên cứu, đầu tư và mở rộng hoạt động sang những ngành nghề mới phù hợp với xu hướng kinh tế bền vững.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến tất cả Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và các cá nhân đã đồng hành cùng chúng tôi xuyên suốt khoảng thời gian đầy thách thức vừa qua. Chúng tôi tin rằng sự đồng hành của Quý vị là sức mạnh to lớn giúp Công ty vượt qua hành trình đầy khó khăn và là động lực thúc đẩy chúng tôi tiếp tục các cuộc hành trình xa hơn nữa trong tương lai.

Xin trân trọng cảm ơn!

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

TRẦN THỊ YẾN CHI

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi

Giới thiệu chung

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình khẳng định vị thế là nhà phân phối nội địa uy tín, đóng vai trò cầu nối chiến lược giữa các nhà sản xuất phân bón hàng đầu và người nông dân trên khắp cả nước. Thông qua hệ thống cung ứng chuyên nghiệp, Công ty cam kết mang đến những giải pháp vật tư nông nghiệp tối ưu, góp phần nâng cao năng suất và giá trị cho chuỗi sản xuất nông nghiệp Việt Nam.



Tầm nhìn

Trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc sản xuất và cung cấp phân bón, hóa chất và vật tư nông nghiệp ở Việt Nam.

Sứ mệnh

Quảng Bình cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển ngành nông nghiệp bền vững ở Việt Nam.

Giá trị cốt lõi

- **Chất lượng tốt nhất:** Chúng tôi luôn nỗ lực tối đa để mang đến sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất trong thời gian đúng hạn;
- **Chính trực:** Luôn phấn đấu để có được niềm tin của mọi đối tác và khách hàng, tạo niềm tin đối với cộng đồng;
- **Chuyên nghiệp:** Chuẩn hóa trong mọi hoạt động nhằm phục vụ khách hàng một cách hiệu quả nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh
- **Đổi mới:** Luôn đổi mới, sáng tạo trong công việc và công nghệ để đem lại sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng;
- **Chăm sóc:** Chúng tôi luôn chăm sóc khách hàng một cách tận tâm, chu đáo để khách hàng luôn hài lòng về sản phẩm và dịch vụ chúng tôi cung cấp.

Tổng quan công ty

Tên tiếng Việt

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Tên tiếng Anh

Quang Binh Import and Export Joint Stock Company

Tên viết tắt

Quang Binh JSC

Trụ sở

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại

0225.626.3333

Fax

0225.353.3679

Website

www.quangbinhjsc.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

Số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 23 tháng 07 năm 2025

Mã cổ phiếu

QBS (đăng ký giao dịch tại UPCOM)

Vốn điều lệ

693.299.280.000 đồng

Số lượng cổ phiếu lưu hành

69.329.928 cổ phiếu

Quá trình hình thành và phát triển



2007

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 1 tỷ đồng, trên cơ sở tách từ Công ty Cổ phần Hào Mỹ - một công ty đã có trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh thương mại nội địa về phân bón, hóa chất và nông sản.

2010

Thông qua 2 đợt phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Công ty đã nâng vốn điều lệ lên 9,9 tỷ đồng.

2011

Tăng vốn điều lệ từ 9,9 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng.

2012

Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 56 tỷ đồng. Mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh sang hoạt động dịch vụ kho bãi ngoại quan, tiếp nhận vận tải, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu. Đồng thời mở thêm 01 văn phòng đại diện tại Quảng Ninh và 01 chi nhánh tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng.



2013

Đưa Nhà máy sản xuất phân bón NPK và phân lân vào hoạt động với thương hiệu NPK Đình Vũ và lân Đình Vũ tại thôn Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.



2014

Vốn điều lệ được tăng lên 320 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 13/11/2014, cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán QBS.



2015

Khánh thành Nhà máy Barite tại Savannakhet - Lào do Công ty góp vốn đầu tư. Đến tháng 8/2015, lô hàng thành phẩm đầu tiên được xuất sang thị trường Mỹ. Tháng 12/2015 QBS nâng vốn điều lệ lên gần 640 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu ra công chúng.

2016

Đầu tư xây dựng Cảng Cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ. Nâng vốn điều lệ lên hơn 693 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược.



2017

Thành lập liên doanh chiến lược toàn diện trong lĩnh vực logistics với Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần và ký kết Hợp đồng Liên doanh xây dựng, vận hành khai thác kho lạnh tại KCN Sóng Thần, tỉnh Bình Dương. Ký kết hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Transworld GLS Việt Nam, thành lập Công ty Cổ phần Transworld QBS ICD. Trong đó, QBS tham gia góp 40% vốn thành lập Công ty.

2022

Hoàn thiện việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ.



Giải thưởng



- DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU XUẤT SẮC NĂM 2009.
- LÃNH ĐẠO DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU XUẤT SẮC NĂM 2009.



- ĐƠN VỊ THI ĐUA XUẤT SẮC NĂM 2010 CỦA UBND TP. HẢI PHÒNG.



- ĐƠN VỊ THI ĐUA XUẤT SẮC NĂM 2011 CỦA UBND TP. HẢI PHÒNG.
- BẰNG KHEN GIÁM ĐỐC NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2010-2011 CỦA UBND TP. HẢI PHÒNG.
- CHỨNG NHẬN TOP 100 NHÀ CUNG CẤP ĐÁNG TIN CẬY TẠI VIỆT NAM NĂM 2011 DO VIỆN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM CẤP.
- XÂY DỰNG DOANH NGHIỆP VÀ PHONG TRÀO ỦNG HỘ XÃ HỘI NĂM 2011.
- GIẤY KHEN GIÁM ĐỐC NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG XÂY DỰNG HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP THỦY NGUYÊN VÀ PHONG TRÀO ỦNG HỘ NĂM 2011 DO UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN CẤP.



- TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC NĂM 2012 CỦA UBND TP. HẢI PHÒNG.
- GIẤY KHEN VỀ VIỆC ĐẠT THÀNH TÍCH TRONG CÔNG TÁC THU VÀ NỘP THUẾ TRƯỚC HẠN NĂM 2012 DO CỤC HẢI QUAN HẢI PHÒNG CẤP.
- GIẤY KHEN ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH THỰC HIỆN TỐT CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT THUẾ NĂM 2012 CỦA TỔNG CỤC THUẾ.
- GIẤY KHEN GIÁM ĐỐC NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT KINH DOANH, THỰC HIỆN NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2012 CỦA UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN.



- NHÀ QUẢN LÝ XUẤT SẮC THỜI KỲ ĐỔI MỚI NĂM 2013.
- CHỨNG NHẬN THƯƠNG HIỆU TIN CẬY NĂM 2013 DO VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ CẤP.
- CHỨNG NHẬN NHÀ CUNG CẤP CHẤT LƯỢNG NĂM 2013 DO VIỆN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM CẤP.
- CHỨNG NHẬN DOANH NGHIỆP CỦA NĂM 2013.



- THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TP. HẢI PHÒNG NĂM 2014.
- CHỨNG NHẬN DOANH NHÂN, DOANH NGHIỆP CỦA NĂM DO HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VIỆT NAM TRAO TẶNG NĂM 2014.
- CHỨNG NHẬN HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM AN TOÀN VÌ SỨC KHỎA CỘNG ĐỒNG NĂM 2014.



- DANH HIỆU “DOANH NGHIỆP ĐỒNG HÀNH CÙNG NHÀ NÔNG” NĂM 2015.
- CHỨNG NHẬN TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM NĂM 2015.



- THƯƠNG HIỆU VÀNG NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM NĂM 2016.
- CHỨNG NHẬN TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM NĂM 2016.

Giải thưởng (Tiếp)



- TỪ NĂM 2015, CTCP XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH ĐÃ ĐẠT TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM. CÔNG TY CŨNG CÓ NHIỀU THÀNH TÍCH NỔI BẬT KHÁC TRẢI DÀI TRÊN NHIỀU LĨNH VỰC NHƯ QUẢN TRỊ CÔNG TY, AN SINH XÃ HỘI, HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN ... VÀ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỪ NHỮNG NGÀY ĐẦU XÂY DỰNG CHO ĐẾN NAY.



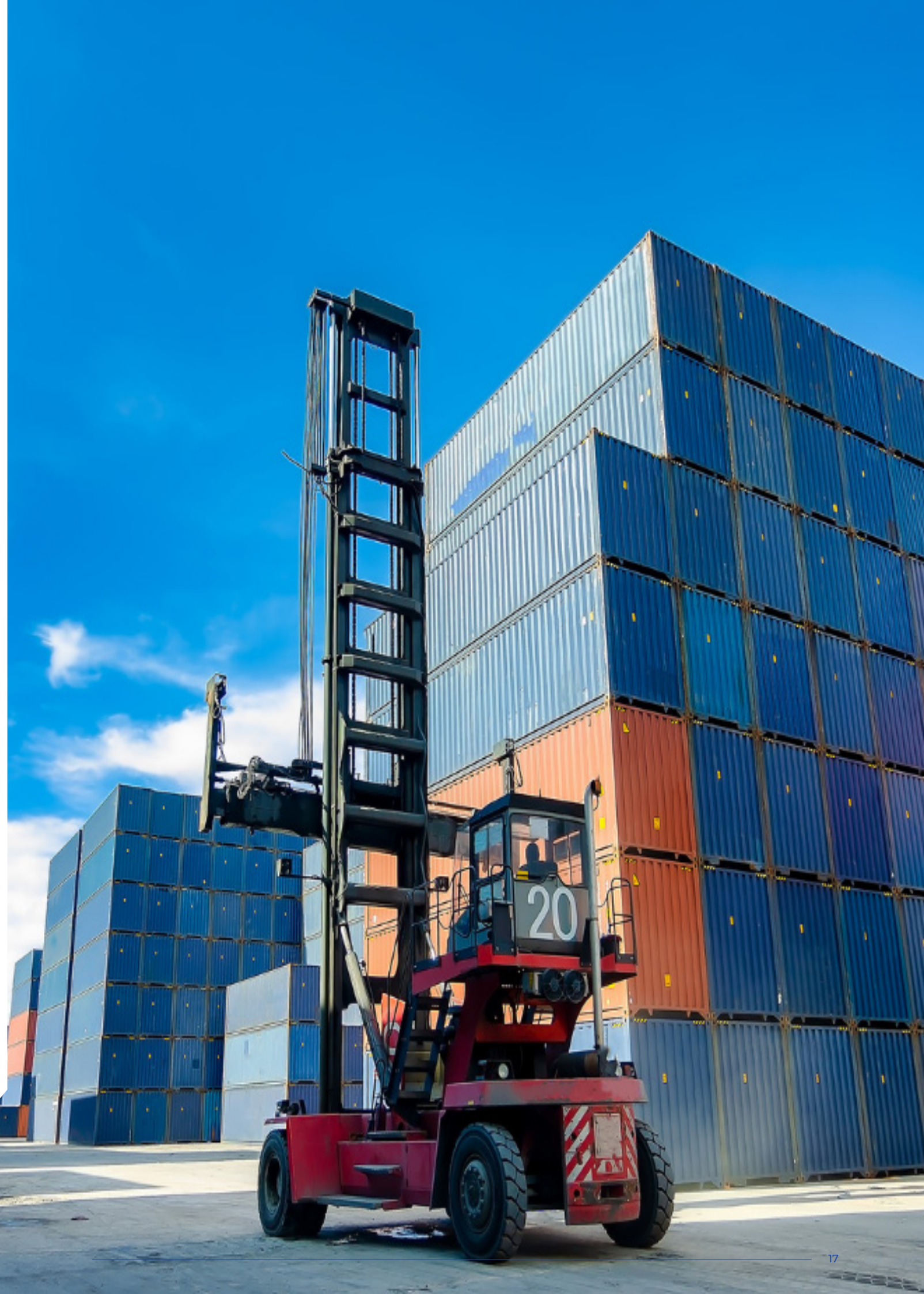
- GIẤY KHEN CÓ THÀNH TÍCH XUẤT XẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA LAO ĐỘNG GIỎI VÀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN DO LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG HUYỆN THỦY NGUYÊN TRAO TẶNG NĂM 2020.
- GIẤY KHEN THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI NĂM 2020 DO CHỦ TỊCH UBND QUẬN HỒNG BÀNG, TP. HẢI PHÒNG TRAO TẶNG.



- GIẤY KHEN CÓ THÀNH TÍCH HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ NĂM 2022 DO BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ KHỐI DOANH NGHIỆP HUYỆN THỦY NGUYÊN TRAO TẶNG.



- BẰNG KHEN CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA LAO ĐỘNG GIỎI VÀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN DO LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TP. HẢI PHÒNG TRAO TẶNG NĂM 2023.



Ngành nghề kinh doanh



Bán buôn phân bón; Bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)



Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy



Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa



Địa bàn kinh doanh

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty duy trì hoạt động tại các địa bàn trọng điểm thông qua hệ thống trụ sở chính và chi nhánh Quảng Bình. Mạng lưới kinh doanh tập trung vào thị trường nội địa và các đầu mối xuất nhập khẩu truyền thống, ưu tiên sự ổn định và tối ưu hóa chi phí vận hành trong giai đoạn hiện tại.

SẢN PHẨM CHỦ ĐẠO

Kinh doanh phân bón – hóa chất: Ure, Supe Lân, NPK Đình Vũ, Kali Lào



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

Mục tiêu và định hướng phát triển

MỤC TIÊU



Mảng phân bón nội địa

Duy trì những mối quan hệ khách hàng truyền thống, chào bán những sản phẩm nguyên liệu do công ty chủ động nhập khẩu, cũng như tìm nguồn hàng nội địa phù hợp để chào bán. Tìm hiểu thêm các Nhà máy sản xuất phân bón trong cả nước, xây dựng thêm các mối quan hệ hợp tác mới, chào bán phát triển mảng thương mại nội địa các mặt hàng phân bón.

Mảng hóa chất và hàng hóa khác

Duy trì đà tăng trưởng của những mặt hàng thế mạnh hóa chất của Công ty như: Lưu huỳnh, Axit Sulphuric... Đồng thời phát triển thêm vào một số loại sản phẩm hóa chất khác mà nhà cung cấp nước ngoài sẵn có.

Các vấn đề khác

Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, dòng tiền để chống việc rủi ro liên quan tới vấn đề tài chính, nợ xấu. Thúc đẩy sáng tạo, đưa ra các ý tưởng mới để đẩy mạnh phát triển các sản phẩm, công nghệ để tiết kiệm chi phí, gia tăng hiệu quả sản xuất. Chủ động, linh hoạt thích ứng trong xây dựng kế hoạch, cân đối nguồn lực, tổ chức thực hiện.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Kế hoạch phát triển trong trung và dài hạn của công ty tập trung vào việc duy trì và mở rộng các mảng kinh doanh cốt lõi, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động. Mảng phân bón nội địa chú trọng mở rộng quan hệ khách hàng và tìm kiếm thêm nguồn cung phù hợp. Mảng hóa chất và hàng hóa khác đang giữ vững đà tăng trưởng và mở rộng thêm các sản phẩm mới để gia tăng thị phần. Ngoài ra, công ty cũng quan tâm đến việc kiểm soát tài chính, tối ưu chi phí và sáng tạo trong kinh doanh nhằm đảm bảo hoạt động bền vững. Những định hướng này cho thấy sự phát triển toàn diện, linh hoạt và có chiến lược rõ ràng.

Các rủi ro trọng yếu

RỦI RO KINH TẾ

Sự vận động và phát triển của nền kinh tế tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách của chính phủ... Những rủi ro này có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

Trong năm 2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GDP ước đạt trên 8,0%. Tuy nhiên, hoạt động của Công ty lại đối mặt với rủi ro “nghịch chu kỳ” khi thị trường phân bổ toàn cầu biến động bất lợi. Việc các nhà sản xuất tại Châu Âu mở rộng quy mô nhờ nguồn cung khí LNG dồi dào và ổn định đã đẩy giá thành các sản phẩm như Ure xuống mức thấp kéo dài. Đồng thời, sự gia tăng nguồn cung từ Trung Quốc sau khi bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu đã tạo áp lực cạnh tranh cực lớn đối với các doanh nghiệp thương mại nội địa. Rủi ro này kết hợp với tình trạng thiếu hụt quỹ nguyên liệu trong nước đã khiến sản xuất ngưng trệ.

RỦI RO TỶ GIÁ

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, mọi biến động của tỷ giá hối đoái đều có tác động trực tiếp và đa chiều đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2025, nền kinh tế Việt Nam ghi nhận sự sôi động kỷ lục với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2% so với năm trước. Sự gia tăng đồng thời cả về xuất khẩu (475,04 tỷ USD) và nhập khẩu (455,01 tỷ USD) cho thấy dòng vốn ngoại tệ lưu thông qua các doanh nghiệp xuất nhập khẩu là rất lớn.

Đối với Công ty, rủi ro tỷ giá hình thành từ sự chênh lệch giá trị giữa đồng nội tệ và các ngoại tệ thanh toán (chủ yếu là USD) trong quá trình thực hiện các hợp đồng thương mại quốc tế. Biến động tỷ giá không chỉ ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu mà còn tác động đến sức cạnh tranh của hàng hóa khi xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Trong bối cảnh cán cân thương mại cả nước xuất siêu 20,03 tỷ USD góp phần ổn định vĩ mô, Công ty vẫn luôn chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường ngoại hối để có những phương án quản trị dòng tiền linh hoạt, nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực đến lợi nhuận ròng của doanh nghiệp.

RỦI RO LÃI SUẤT

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) năm 2025 ước tăng 8,5%, thúc đẩy nhu cầu vốn lưu động trên toàn thị trường. Đối với QBS, rủi ro lãi suất biến động là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến chi phí tài chính trong quá trình tái cấu trúc. Với tình trạng doanh thu sụt giảm mạnh, gánh nặng chi phí lãi vay trở thành áp lực lớn đối với dòng tiền hoạt động của doanh nghiệp. Công ty luôn sát sao theo dõi tình hình lãi suất để xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp với môi trường tài chính luôn thay đổi.



Các rủi ro trọng yếu (Tiếp)

► RỦI RO LẠM PHÁT

Theo số liệu từ Cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2025 tăng 3,31% và lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với năm trước. Mặc dù lạm phát tổng thể được kiểm soát tốt, QBS vẫn phải đối mặt với áp lực lớn từ lạm phát chi phí đẩy, đặc biệt là sự biến động mạnh mẽ của giá khí đầu vào và chi phí năng lượng. Do giá khí thiên nhiên trên thị trường thế giới duy trì ở mức cao và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động chính trị, chi phí sản xuất và nhập khẩu các mặt hàng gốc khí như Ure, DAP đã gia tăng đáng kể. Trong bối cảnh sức mua của thị trường nông nghiệp có hạn, việc chuyển hóa chi phí đầu vào tăng thêm vào giá bán đầu ra gặp nhiều thách thức, trực tiếp gây áp lực lên biên lợi nhuận gộp của Công ty.

► RỦI RO THƯƠNG MẠI

Rủi ro thương mại của Công ty năm qua tập trung vào sự đứt gãy cung ứng và mất lợi thế cạnh tranh. Nguồn hàng trong nước khó cạnh tranh với hàng ngoại quốc do giá thành sản xuất cao, đồng thời việc các nhà máy sản xuất nội địa gặp khó khăn khi lỡ dự trữ nguyên liệu lúc giá cao đã khiến việc bán hàng chậm lại. Thêm vào đó, tình trạng thiếu hụt quặng nguyên liệu trong nước khiến sản xuất phân bón bị ngừng trệ suốt năm 2025, làm tê liệt khả năng đẩy mạnh thương mại của QBS. Công ty đang nỗ lực thắt chặt quy trình quản trị công nợ để bảo vệ tính thanh khoản của tài sản.

► RỦI RO PHÁP LUẬT

Năm 2025 đánh dấu bước ngoặt lớn về pháp lý đối với ngành phân bón khi Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) chính thức áp dụng mức thuế VAT 5% từ ngày 01/07/2025. Đây là rủi ro về mặt tuân thủ khi QBS phải hoàn thiện hệ thống kế toán và hóa đơn điện tử để đáp ứng quy định mới, tránh các sai sót pháp lý trong giai đoạn chuyển đổi. Tuy nhiên, về mặt dài hạn, chính sách này giúp Công ty được khấu trừ thuế VAT đầu vào cho các hoạt động đầu tư, máy móc và dịch vụ, tạo lợi thế cạnh tranh về giá so với phân bón nhập khẩu.

► RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Các biến động địa chính trị toàn cầu tác động đến giá năng lượng và chính sách xuất khẩu của các cường quốc (như Trung Quốc bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu) là những yếu tố nằm ngoài sự kiểm soát. Những rủi ro này có thể gây thiệt hại lớn về mặt kinh tế và làm gián đoạn kế hoạch kinh doanh dài hạn của Công ty. QBS cam kết duy trì các kịch bản dự phòng và nguồn lực sẵn sàng để ứng phó với các tình huống bất ngờ nhằm bảo vệ tối đa lợi ích của cổ đông.



CHƯƠNG 2

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ _____ 30

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ _____ 34

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH _____ 35

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT _____ 36

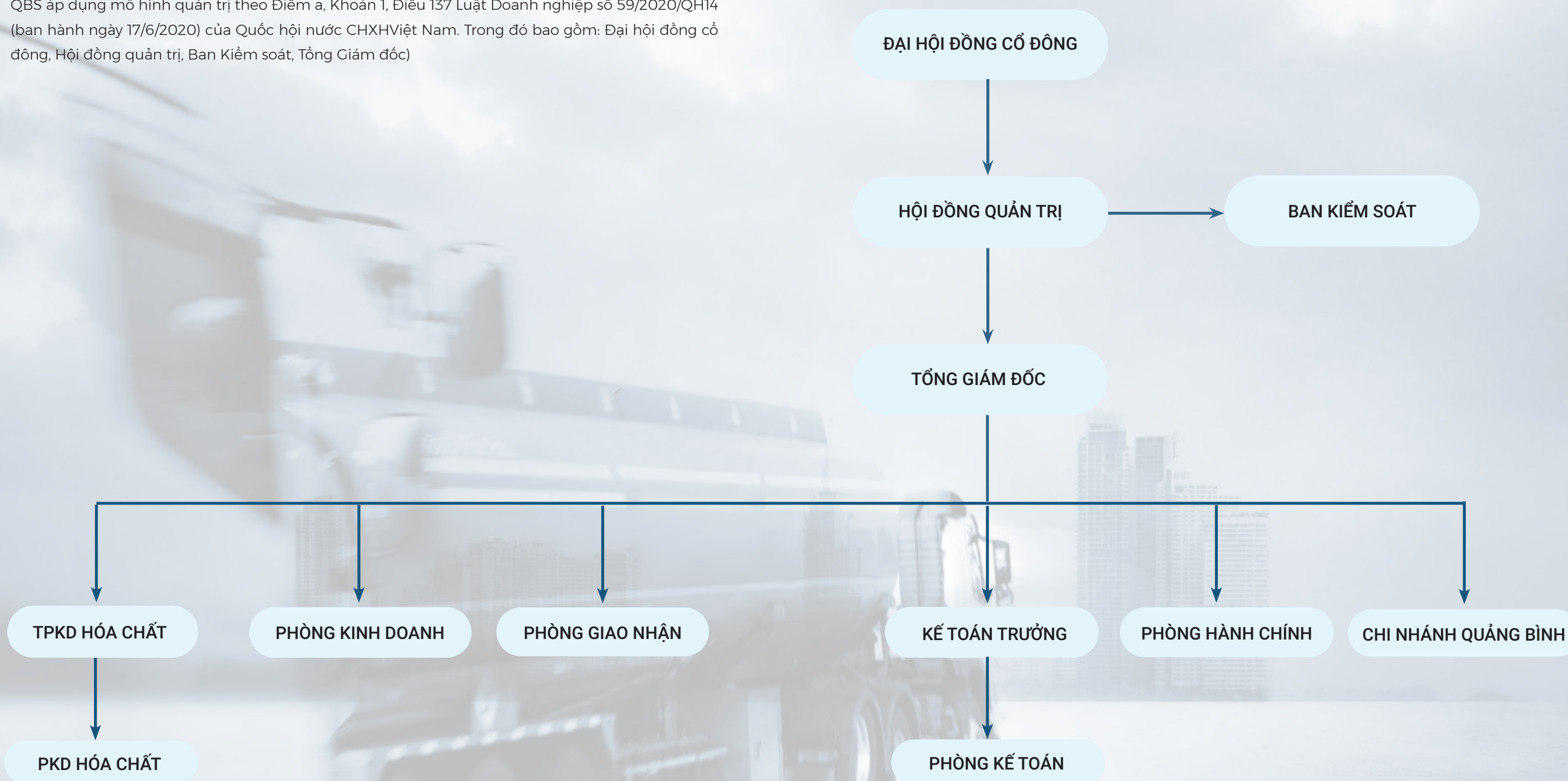
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ _____ 38

CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG _____ 40



Mô hình quản trị

QBS áp dụng mô hình quản trị theo Điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (ban hành ngày 17/6/2020) của Quốc hội nước CHXHViet Nam. Trong đó bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc



CƠ CẤU BỘ MÁY NHÂN SỰ

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, có toàn quyền nhân danh Công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định trong điều lệ Công ty. Hàng năm HĐQT chuẩn bị kỹ lưỡng để họp ĐHĐCĐ được tổ chức một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo cho các cổ đông thực hiện được đầy đủ các quyền của cổ đông.

Hội đồng quản trị

HĐQT đương nhiệm của Công ty có Chủ tịch và các ủy viên. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, HĐQT tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ cụ thể hóa các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

Ban Giám đốc

BGD của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát

BKS của công ty do ĐHĐCĐ bầu ra. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, BCTC của Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và BGĐ.

Một số phòng ban chức năng:

Phòng giao nhận

Chịu trách nhiệm giao nhận, giám sát Hàng hóa của Công ty.

Phòng kinh doanh

- PKD hóa chất: Phụ trách xuất nhập khẩu hóa chất.

- PKD phân bón: Phụ trách phân phối sản phẩm phân bón, kho bãi và các dịch vụ khác.

Phòng kế toán

Thực hiện các chức năng: Quản lý lao động tiền lương; Tổ chức bộ máy kế toán, quản lý vốn và tài sản; Thực hiện các nhiệm vụ kế toán và thủ quỹ, thống kê, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư.

Phòng hành chính

Tham mưu cho BGĐ về việc bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên; đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan; môi trường, phòng cháy chữa cháy; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ.

Chi nhánh Quảng Bình

Phối hợp với văn phòng công ty và các văn phòng khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

Giới thiệu Hội đồng quản trị

Bà Trần Thị Yên Chi

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1992

Trình độ: Cử nhân Kế toán

Số lượng cổ phần sở hữu: 0

Quá trình công tác:

07/2014 – 05/2015	Nhân viên kế toán tại Trung tâm bán lẻ Viettel.
08/2015 – 08/2016	Nhân viên kế toán tại CTCP Phát triển Phân bón Đình Vũ.
2016 – 04/2018	Nhân viên kế toán tại CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
10/2018 – 12/2018	Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Vận tải Hoàng Dương.
05/2019 - 01/2020	Nhân viên kế toán tại CTCP Xuất nhập khẩu Cát Long.
01/2020 – 03/2021	Kế toán trưởng tại CTCP Xuất nhập khẩu Cát Long.
03/2021 – 06/2024	Kế toán trưởng tại CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
06/2024 – Nay	Chủ tịch HĐQT tại CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Bà Hà Thị Mai Hương

Thành viên HĐQT

Sinh năm: 1991

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu: 0

Quá trình công tác:

2013 - 2014	Nhân viên chứng từ Công ty TNHH Shipco Transport.
2014 - 2016	Nhân viên xuất nhập khẩu CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
2016- 04/2018	Phó PKD hóa chất và nông thủy sản CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
03/2018 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP 5FOODS.
04/2018 - 12/2020	Trưởng phòng Kinh doanh 2 CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
04/2020 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Bà Lê Thị Thanh Hải

Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm: 1991

Trình độ: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

Số lượng cổ phần sở hữu: 0

Quá trình công tác:

2014 - 2016	Kế toán viên Công ty TNHH MTV Hương Tân.
2017- 09/2023	Quản đốc Phân xưởng Đường - CTCP Mía đường Tuy Hòa.
05/2020 - 04/2021	Giám đốc Nhà Máy Đường - CTCP Mía đường Tuy Hòa.
04/2021 - Nay	Giám đốc xí nghiệp chế biến đường CTCP Mía đường Sơn La.

Giới thiệu Ban Điều hành

Ông Hoàng Văn Hưng

Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1982

Trình độ: Cử nhân Công nghệ thông tin

Số lượng cổ phần sở hữu: 0

Quá trình công tác:

05/2012 - 12/2020	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn.
06/2014 - 12/2020	Giám đốc CTCP Xây dựng và Xuất nhập khẩu Tam Đảo.
02/2016 - 06/2017	Trưởng văn phòng đại diện tại Cao Bằng - CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
05/2017 - 10/2017	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Tân Cảng Sài Gòn.
06/2017 - 04/2020	Giám đốc Dịch vụ Xuất nhập khẩu CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình
10/2017 - 12/2020	Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú.
04/2020 - Nay	Tổng Giám đốc CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Ông Nguyễn Văn Trung

Kế toán trưởng

Sinh năm: 1993
 Trình độ: Cử nhân Kế toán
 Số lượng cổ phần sở hữu: 0

Quá trình công tác:

11/2016 - 12/2018 Nhân viên kỹ thuật tại CTCP xây dựng Hạ Tầng và TM An Phát.
 07/2019 - 06/2024 Nhân viên kế toán tại CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
 07/2024 - Nay Kế toán trưởng tại CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
 2018 - Nay Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Sơn La.

Giới thiệu Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Phương Thảo

Trưởng Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1986
 Trình độ: Cử nhân Quản trị kinh doanh
 Số lượng cổ phần sở hữu: 0

Quá trình công tác:

2007 - 2008 Kế toán, Kiểm toán nội bộ tại CTCP Xuất nhập khẩu Hào Mỹ.
 2008 - 2011 Nhân viên Kinh doanh tại CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
 01/2012 - 04/2014 Kế toán viên tại Công ty TNHH Vận tải Hoàng Dương.
 04/2014 - 05/2018 Trưởng BKS CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
 05/2018 - Nay Trưởng BKS CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Thành viên Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1981
 Trình độ: Cử nhân Ngoại ngữ
 Số lượng cổ phần sở hữu: 0

Quá trình công tác:

2003 - 2006 Giáo viên tiếng Anh tại trường THCS Tân Dương
 2006 - 2011 Phiên dịch tiếng Anh tại CTCP CN Tàu thủy An Đông.
 2011 - 04/2014 Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm kế toán xuất nhập khẩu CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
 04/2014 - 06/2018 Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm thành viên BKS CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
 06/2018 - Nay Thành viên BKS CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Bà Trần Thị Thu Trang

Thành viên Ban Kiểm soát

Sinh năm: 1985
 Trình độ: Cử nhân Kế toán
 Số lượng cổ phần sở hữu: 0

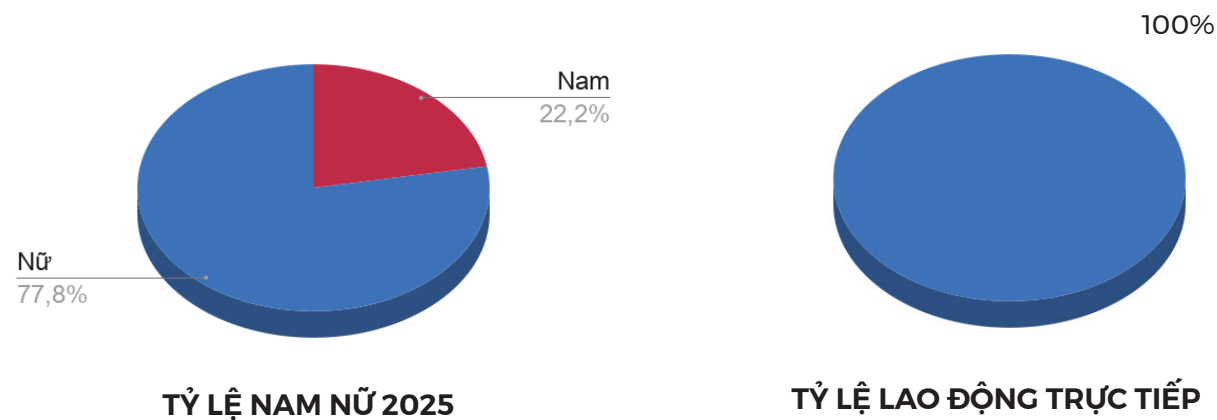
Quá trình công tác:

04/2009 - 03/2010 Kế toán tại Công ty CP ĐT & XLTM Cửa hàng xăng dầu 231 Tô Hiệu.
 09/2010 - 06/2015 Kế toán tại CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình.
 06/2015 - 10/2015 Phó phòng kế toán tại CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình
 01/2016 - 03/2017 Kiểm soát nội bộ tại CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình
 03/2017 - Nay Thành viên BKS CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình

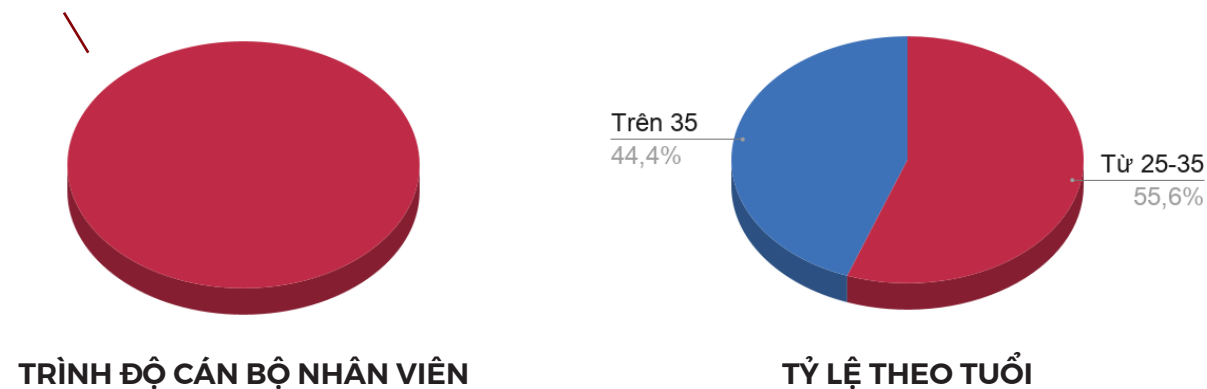
Tổ chức và nhân sự

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tính đến cuối năm 2025, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 9 người, với tỷ lệ lao động trực tiếp đạt mức tuyệt đối 100%. Trong đó, nguồn lao động có trình độ cao chiếm đa số, đóng vai trò là đầu não và bệ đỡ vững chắc cho mọi hoạt động của Công ty. Độ tuổi lao động phổ biến từ 25-35 chiếm hơn một nửa tổng số nhân sự, kết hợp cùng sự cân bằng về giới (7 nữ và 2 nam) tạo nên một môi trường làm việc năng động và bền vững.



100% trình độ Đại học và trên Đại học



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Bộ phận trực tiếp làm việc 5 ngày/tuần (nghỉ Thứ 7, Chủ nhật), 8 giờ/ngày, nghỉ trưa 1,5 giờ. Khi có nhu cầu về làm ngoài giờ để bắt kịp tiến độ kinh doanh thì nhân viên công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và QBS có trách nhiệm đảm bảo quyền lợi của người lao động thỏa đáng.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, được trang bị đầy đủ thiết bị làm việc và các thiết bị giải trí để có thể đáp ứng tất cả nhu cầu sử dụng của cán bộ công nhân viên.

Chính sách đào tạo tuyển dụng

Công tác đào tạo: Là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong xây dựng và phát triển nhân lực của QBS. QBS áp dụng chương trình đào tạo đảm bảo sự hội nhập quốc tế, nghiệp vụ chuyên nghiệp giúp nâng cao tay nghề cũng như áp dụng công nghệ mới vào hoạt động kinh doanh. QBS chú trọng huấn luyện đào tạo trực tiếp qua công việc: Cấp trên đào tạo cấp dưới, Chuyên viên cấp cao đào tạo cấp thấp hơn. QBS cũng thúc đẩy luân chuyển nhân sự nội bộ để đào tạo qua công việc thực tế bao gồm: đào tạo bên ngoài và nội bộ với nội dung chuyên sâu về quản lý điều hành, chuyên môn nghiệp vụ, thường xuyên mở các buổi hội thảo chuyên đề có thực hành tại các phòng ban. Với những chương trình đào tạo bên ngoài, công ty hỗ trợ học phí cho người lao động để thúc đẩy việc tự học ở cán bộ nhân viên.

Công tác tuyển dụng: QBS thực hiện tuyển dụng theo kế hoạch hàng năm và theo chiến lược phát triển trong từng giai đoạn. QBS công khai, minh bạch, thông báo rộng rãi quy trình tuyển dụng trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Chính sách lương: Người lao động được trả lương theo hiệu quả công việc tương ứng với vị trí/chức danh được phân công. QBS đảm bảo thu nhập của cán bộ nhân viên cạnh tranh và tương ứng với các đơn vị cùng ngành nghề, cùng khu vực trong từng thời điểm. Lương thu nhập của cán bộ nhân viên bao gồm lương cơ bản và các loại phụ cấp lương tương ứng với hiệu quả lao động và trách nhiệm công việc.

Chính sách thưởng: Công ty có chính sách tính thưởng cho người lao động căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị và đánh giá xếp loại KPI của từng cá nhân. Ngoài ra, QBS cũng có chính sách khen thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến được áp dụng, mang lại hiệu quả cho Công ty.

Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Ngoài những chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật, QBS còn áp dụng các chính sách khác đối với người lao động như: Trợ cấp ốm đau, tai nạn, nghỉ thai sản; chăm lo quà Tết thiếu nhi, quà Trung thu đối với con của người lao động, hỗ trợ thêm các trường hợp hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức tham quan nghỉ mát và các hoạt động văn thể mỹ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông

VỐN CỔ PHẦN

Tại ngày 26/01/2026 theo danh sách cổ đông cung cấp bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, cơ cấu vốn và cổ đông được ghi nhận như sau:

- Vốn điều lệ: 693.299.280.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 69.329.92 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Ngày bắt đầu giao dịch: 23/05/2024 (UPCOM)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước	-	-
2	Cổ đông nội bộ	-	-
3	Cổ đông ngoài (cá nhân)	69.142.256	99,73%
4	Cổ đông ngoài (tổ chức)	187.672	0,27%
Tổng cộng		69.329.928	100%

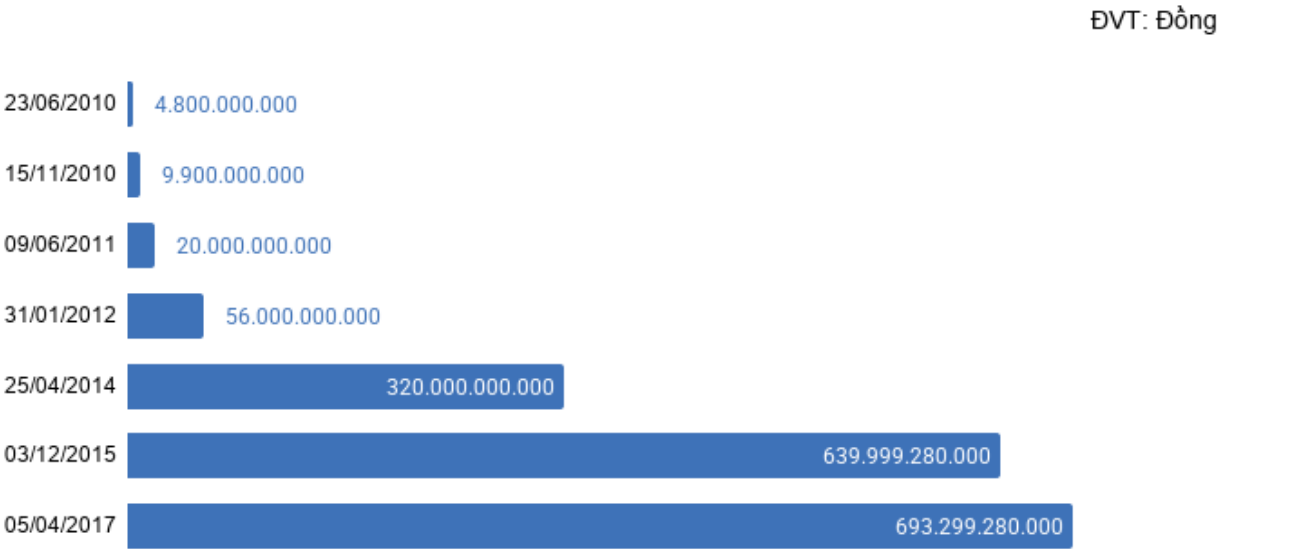
Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước	15	0,24%
	- Tổ chức	6.300	99,75%
	- Cá nhân		
2	Cổ đông nước ngoài	-	-
	- Tổ chức	1	0,02%
	- Cá nhân		
Tổng		6.316	

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	9.200.579	13,27%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Giai đoạn 2010 – 2014: Công ty thực hiện liên tiếp 5 đợt tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phần riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu. Quy mô vốn điều lệ trong giai đoạn này tăng mạnh từ 4,8 tỷ đồng (năm 2010) lên mức 320 tỷ đồng (năm 2014) .

Giai đoạn 2015 – 2017: Công ty chuyển sang hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng dưới sự quản lý của UBCKNN. Sau hai đợt phát hành lớn vào năm 2015 và 2017, vốn điều lệ đã đạt mức hơn 693,2 tỷ đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không

CỔ PHIẾU KHÁC

Không

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2025

VÀ KẾ HOẠCH 2026

PHÂN TÍCH VĨ MÔ VÀ NGÀNH 2025 44

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 47

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 52



Phân tích vĩ mô và ngành 2025

Thị trường phân bón thế giới

Giá nguyên liệu đầu vào duy trì ở mức cao nhưng ổn định hơn

Khí đốt: Theo IEA, giá khí tự nhiên toàn cầu năm 2025 đã thoát khỏi giai đoạn biến động cực đoan nhưng vẫn duy trì ở mức cao hơn trung bình 5 năm trước đó do chi phí vận chuyển LNG và các rào cản địa chính trị tại Trung Đông. Nhu cầu khí cho sản xuất công nghiệp tại Châu Âu và Châu Á phục hồi nhẹ, tạo áp lực giữ giá cho các dòng phân đạm.

Than đá: Giá than thế giới trong năm 2025 dao động ổn định trong biên độ hẹp nhờ nguồn cung dồi dào từ Úc và Indonesia. Tuy nhiên, các chính sách thuế carbon mới tại nhiều quốc gia phát triển đã bắt đầu tác động đến chi phí biên của các nhà máy sản xuất phân bón sử dụng công nghệ cũ.



Nhu cầu tiêu thụ hồi phục nhờ an ninh lương thực

Năng suất cây trồng toàn cầu năm 2025 chịu ảnh hưởng bởi hiện tượng La Nina gây mưa lớn tại một số khu vực Nam Á và Đông Nam Á. Điều này thúc đẩy nhu cầu sử dụng phân bón để phục hồi diện tích canh tác. Mặc dù vậy, tốc độ tăng trưởng nhu cầu phân bón toàn cầu chỉ ở mức 2% do nông dân tại các nước phát triển tối ưu hóa lượng bón để giảm chi phí và bảo vệ môi trường. Giá phân bón thế giới (đặc biệt là Urea và DAP) ghi nhận mức tăng nhẹ khoảng 4 - 5% do chính sách hạn chế xuất khẩu từ Trung Quốc nhằm đảm bảo nguồn cung nội địa.

Thị trường phân bón thế giới

Bước ngoặt từ chính sách thuế VAT 5%

Điểm nhấn quan trọng nhất của ngành trong năm 2025 là việc áp dụng Luật thuế VAT 5% đối với mặt hàng phân bón kể từ ngày 01/07/2025. Chính sách thuế đã tạo ra sự thay đổi lớn trong cơ cấu chi phí: các doanh nghiệp sản xuất nội địa bắt đầu được khấu trừ thuế đầu vào, giúp giảm giá thành sản xuất và tăng năng lực cạnh tranh. Ngược lại, hàng phân bón nhập khẩu chịu áp lực tăng giá 5% ngay tại cửa khẩu, buộc các đơn vị thương mại phải điều chỉnh linh hoạt chiến lược giá để duy trì thị phần.



Chuyển dịch sang nông nghiệp xanh và hữu cơ

Tiếp nối xu hướng từ năm 2024, phân bón hữu cơ, vi sinh và phân bón thể hệ mới (như phân bón tan chậm, phân bón thông minh) tiếp tục chiếm lĩnh thị phần cao hơn. Theo thống kê, nhu cầu phân bón hữu cơ tăng trưởng 12% trong năm 2025. Người tiêu dùng và các trang trại xuất khẩu ngày càng khắt khe hơn về dư lượng hóa chất, buộc các đơn vị phân phối như QBS phải đa dạng hóa danh mục sản phẩm theo hướng bền vững.



Kết quả hoạt động XNK

Tính chung cả năm 2025, lượng phân bón xuất khẩu của Việt Nam đạt khoảng 1,97 triệu tấn, kim ngạch đạt gần 845 triệu USD. Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế tại thị trường Campuchia (chiếm 35% tổng lượng xuất khẩu). Ở chiều ngược lại, nhập khẩu đạt 6,19 triệu tấn với trị giá hơn 2,19 tỷ USD, chủ yếu là các dòng Kali và SA mà trong nước chưa tự chủ được nguồn cung.

Phân tích vĩ mô và ngành 2025 (Tiếp)

Hoạt động ngoại thương

Năm 2025 ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ trong hoạt động ngoại thương của Việt Nam với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu thiết lập kỷ lục mới, đạt con số ấn tượng 930,05 tỷ USD, tăng trưởng đột phá 18,2% so với năm trước. Đây là thành quả từ việc tận dụng tối đa các hiệp định FTA thế hệ mới và sự phục hồi nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường trọng điểm quốc tế. Đáng chú ý, Việt Nam tiếp tục khẳng định nội lực kinh tế vững chắc khi duy trì vị thế xuất siêu với thặng dư thương mại đạt 20,03 tỷ USD, góp phần quan trọng vào việc ổn định tỷ giá và tạo dư địa cho các chính sách tiền tệ hỗ trợ doanh nghiệp. Sự nhộn nhịp của dòng hàng hóa, đặc biệt là nhóm ngành chế biến, chế tạo (thu hút đến 82,8% tổng vốn FDI), đã thúc đẩy khối lượng vận tải hàng hóa toàn ngành đạt 3,027 tỷ tấn, tăng 14,1%. Trong đó, vận tải đường biển tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong luân chuyển hàng hóa quốc tế, kết hợp cùng sự thông suốt của trục cao tốc Bắc – Nam đã tạo nên một hạ tầng ngoại thương đồng bộ, khẳng định vai trò trụ đỡ của ngành vật tư nông nghiệp đối với tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh thị trường toàn cầu còn nhiều biến động.



Tình hình tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng trưởng
Doanh thu thuần từ HĐKD	55.540.335.400	150.000.000	-99,73%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(134.212.293.178)	(78.087.292.931)	-41,82%
Lợi nhuận trước thuế	(136.145.499.074)	(78.365.108.636)	-42,44%
Lợi nhuận sau thuế	(140.463.549.918)	(78.365.108.636)	-44,21%

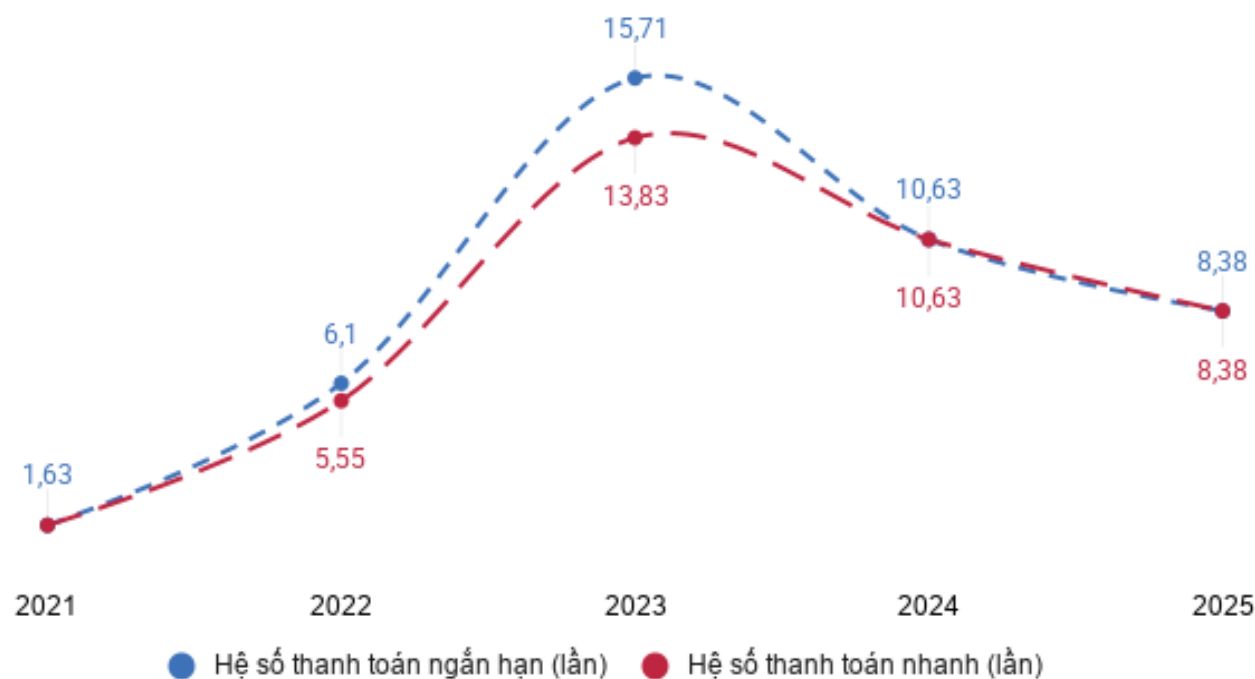
Trong năm qua, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động chung của thị trường và quá trình tái cấu trúc nội bộ. Doanh thu thuần từ HĐKD ghi nhận sự điều chỉnh mạnh so với cùng kỳ năm trước, đạt mức 150 triệu đồng. Kết quả này phản ánh giai đoạn Công ty đang chủ động rà soát và thu hẹp các mảng kinh doanh kém hiệu quả để tập trung nguồn lực cho các định hướng chiến lược mới.

Điểm sáng trong bức tranh tài chính năm nay là sự cải thiện đáng kể về khả năng kiểm soát chi phí và tối ưu hóa vận hành. Mặc dù Lợi nhuận thuần từ HĐKD vẫn ghi nhận con số âm, nhưng mức lỗ đã được thu hẹp đáng kể, giảm 41,82% so với năm 2024 (tương ứng giảm lỗ từ 134,2 tỷ đồng xuống còn 78 tỷ đồng). Tương tự, Lợi nhuận sau thuế cũng ghi nhận xu hướng tích cực khi mức lỗ giảm được 44,21% so với năm trước đó.

Dù vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức về mặt con số, việc cắt giảm được hơn 40% mức lỗ cho thấy những nỗ lực bước đầu của Ban Điều hành trong việc quản trị rủi ro và giảm thiểu áp lực tài chính.

Tình hình tài chính (Tiếp)

Nhóm chỉ số thanh toán



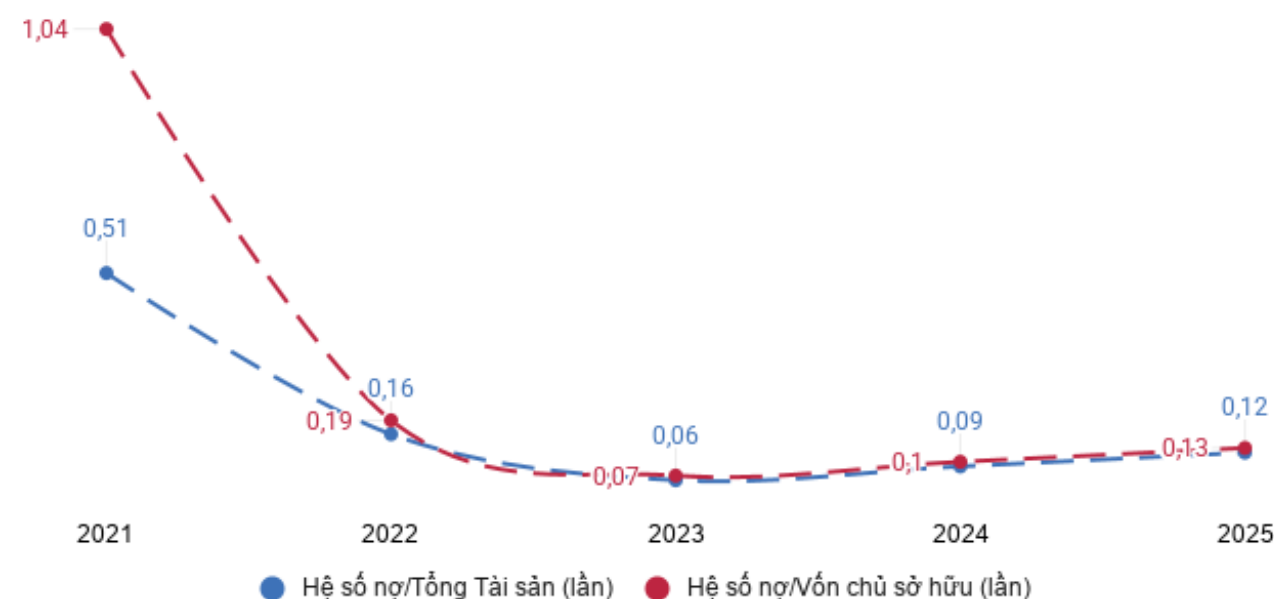
Chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty duy trì ở mức rất cao trong giai đoạn 2021 - 2025, thể hiện năng lực đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn cực kỳ vững chắc. Sau khi đạt đỉnh vào năm 2023, đến năm 2025, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều ghi nhận ở mức 8,38 lần. Mặc dù có sự điều chỉnh giảm nhẹ so với mức 10,63 của năm 2024 (tương ứng mức giảm 21,17%), nhưng chỉ số này vẫn cao hơn gấp nhiều lần so với mức an toàn tiêu chuẩn (thường là > 1,0).

Sự thay đổi này phản ánh quá trình tiếp tục cơ cấu lại tài sản ngắn hạn nhằm tối ưu hóa dòng tiền trong bối cảnh doanh nghiệp đang thu hẹp các mảng kinh doanh kém hiệu quả. Với hệ số 8,38, Công ty vẫn duy trì được “tầm đệm” tài chính rất dày, đảm bảo sự chủ động hoàn toàn trước các áp lực thanh toán và tạo dư địa lớn để sẵn sàng nắm bắt các cơ hội kinh doanh mới khi thị trường hồi phục.

Nhóm chỉ cơ cấu vốn

Năm 2025 tiếp tục ghi nhận vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng chủ đạo trong cơ cấu nguồn vốn, khẳng định chiến lược tài chính thận trọng và ưu tiên sự tự chủ. Sau năm 2021 sử dụng đòn bẩy tài chính cao (nợ chiếm trên 50%), Công ty đã thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ từ năm 2022 để đưa tỷ lệ nợ về mức rất thấp. Trong năm 2025, hệ số Nợ/Tổng tài sản đạt 0,12 và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 0,13.

Dù có sự gia tăng nhẹ về tỷ trọng nợ so với năm 2024 (từ 0,09 lên 0,12), nhưng con số này vẫn nằm trong ngưỡng kiểm soát an toàn. Việc duy trì cơ cấu vốn ít phụ thuộc vào nợ vay giúp Công ty giảm thiểu tối đa áp lực lãi vay và các rủi ro tài chính hệ thống. Đây là kết quả của lộ trình quản trị vốn lành mạnh, giúp doanh nghiệp giữ vững sự ổn định xuyên suốt giai đoạn thị trường đầy biến động và tạo nền tảng vững chắc cho lộ trình phát triển bền vững trong dài hạn.



Tình hình tài chính (Tiếp)

Nhóm chỉ số khả năng sinh lời

ĐVT: %

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
ROS	0,01	-38,60	-9,05	-252,90	-52.243,41
ROE	0,02	-25,14	-8,82	-37,53	-29,59
ROA	0,01	-15,06	-7,80	-34,74	-26,57
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,23	-27,79	-15,42	-241,65	-52.058,20

Năm 2025 ghi nhận những biến động đặc biệt về các chỉ số hiệu quả hoạt động, phản ánh giai đoạn chuyển đổi mô hình kinh doanh quyết liệt của doanh nghiệp. Chỉ số ROS (Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần) đạt mức -52.243,41%. Tuy nhiên, con số này mang tính chất biến động kỹ thuật do doanh thu thuần trong năm được duy trì ở mức thấp để rà soát danh mục hàng hóa, khiến các chi phí cố định tạo ra tỷ lệ âm lớn trên mẫu số doanh thu nhỏ.

Điểm sáng đáng chú ý nhất trong bức tranh lợi nhuận là sự cải thiện rõ rệt của các chỉ số hiệu suất trên vốn. Chỉ số ROE (Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu) đã cải thiện từ mức -37,53% (năm 2024) lên -29,59% (năm 2025). Tương tự, chỉ số ROA (Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản) cũng ghi nhận mức cải thiện từ -34,74% lên -26,57%. Việc thu hẹp biên độ âm của ROE và ROA trong bối cảnh doanh thu thấp là minh chứng cho nỗ lực của Ban Điều hành trong việc tối ưu hóa chi phí vận hành và quản lý tài sản hiệu quả hơn. Đây là những tín hiệu bước đầu cho thấy lộ trình tái cấu trúc đang đi đúng hướng, giúp giảm bớt áp lực thâm hụt vốn và chuẩn bị đà phục hồi cho giai đoạn tiếp theo.

Nhóm chỉ số năng lực hoạt động

Chỉ số vòng quay Tổng tài sản

Năm 2025 ghi nhận mức điều chỉnh sâu xuống còn 0,00051 lần, so với mức 0,14 lần của năm 2024. Xu hướng này phản ánh sự sụt giảm cơ học của hiệu suất sử dụng tài sản trong bối cảnh Công ty đang thực hiện chiến lược tái cấu trúc toàn diện và tạm thời thu hẹp quy mô doanh thu thương mại. Việc duy trì doanh thu ở mức thấp trong khi vẫn nắm giữ quy mô tổng tài sản hơn 255 tỷ đồng đã làm cho chỉ số này biến động mạnh. Để cải thiện tình hình trong giai đoạn tới, QBS sẽ tập trung tối ưu hóa các nguồn lực hiện có, đặc biệt là khai thác hiệu quả hệ thống kho bãi và các tài sản chiến lược nhằm khôi phục khả năng tạo doanh thu bền vững.

Chỉ số vòng quay Hàng tồn kho

Trong năm 2025 không ghi nhận (đạt mức 0) do hoạt động kinh doanh hàng hóa thương mại gần như được tạm ngưng để tập trung rà soát và xử lý hàng tồn đọng. Đây là kết quả của nỗ lực giải phóng hàng tồn kho cũ từ các năm trước (giảm từ mức 171,53 lần năm 2021 xuống còn 2,01 lần năm 2024). Việc đưa chỉ số này về trạng thái chờ cho thấy doanh nghiệp đang quyết liệt trong việc chuẩn bị một danh mục hàng hóa mới, phù hợp hơn với nhu cầu thị trường và tiêu chuẩn bền vững. Trong thời gian tới, QBS sẽ tập trung tối ưu hóa lại chuỗi cung ứng và quản lý tồn kho theo hướng tinh gọn, đảm bảo tốc độ luân chuyển vốn nhanh nhất khi các mảng kinh doanh cốt lõi hoạt động trở lại.

ĐVT: Lần

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Vòng quay Tổng tài sản	1,23	0,39	0,86	0,14	0,00051
Vòng quay Hàng tồn kho	171,53	14,17	8,56	2,01	-

Báo cáo của Ban Điều hành

Năm 2025 ghi nhận nhiều biến động về kinh tế và chính trị trên phạm vi toàn cầu trong giai đoạn hậu khủng hoảng. Nền kinh tế Việt Nam duy trì đà phục hồi tích cực, tuy nhiên cũng chịu tác động từ các thay đổi về chính sách thuế và xu hướng tiêu chuẩn hóa xanh trên thế giới. Những yếu tố này tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

ĐỐI VỚI NGÀNH PHÂN BÓN

Thị trường phân bón thế giới năm 2025 có xu hướng dần ổn định sau giai đoạn biến động mạnh. Giá các nguyên vật liệu đầu vào như khí đốt (theo báo cáo của IEA) và than đá đã giảm bớt áp lực từ các cú sốc cung – cầu, song vẫn duy trì ở mức cao hơn so với trung bình giai đoạn 2015–2019 do chi phí vận chuyển LNG gia tăng. Bên cạnh đó, hiện tượng La Niña gây mưa lớn tại khu vực Đông Nam Á đã góp phần phục hồi diện tích canh tác, qua đó hỗ trợ nhu cầu phân bón. Giá các sản phẩm chủ lực như Urea và DAP tăng nhẹ khoảng 4 - 5%.

Tại thị trường trong nước, một thay đổi đáng chú ý là việc áp dụng thuế VAT 5% đối với mặt hàng phân bón kể từ ngày 01/07/2025. Chính sách này cho phép doanh nghiệp sản xuất trong nước được khấu trừ thuế đầu vào, góp phần giảm chi phí sản xuất, trong khi hàng nhập khẩu chịu áp lực tăng giá. Điều này đặt ra yêu cầu các doanh nghiệp thương mại cần điều chỉnh chiến lược nhằm duy trì năng lực cạnh tranh. Đồng thời, xu hướng phát triển nông nghiệp xanh tiếp tục thúc đẩy nhu cầu phân bón hữu cơ, với mức tăng trưởng ước đạt khoảng 12%, tạo động lực cho doanh nghiệp mở rộng và đa dạng hóa danh mục sản phẩm theo hướng bền vững.

ĐỐI VỚI NGÀNH HÓA CHẤT

Trong bối cảnh toàn cầu chuyển dịch theo hướng phát triển bền vững, ngành hóa chất Việt Nam có cơ hội nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị khu vực và quốc tế. Nhu cầu đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường gia tăng, cùng với sự dịch chuyển chuỗi cung ứng theo chiến lược “China + 1”, đã góp phần gia tăng sức hấp dẫn của Việt Nam đối với các nhà đầu tư.

Ngành nguyên liệu hóa chất tiếp tục đóng vai trò nền tảng cho nhiều lĩnh vực sản xuất quan trọng như linh kiện điện tử, bán dẫn và dược phẩm. Động lực tăng trưởng đến từ nhu cầu tiêu thụ nội địa ổn định cũng như sự mở rộng của các thị trường xuất khẩu như Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ. Bên cạnh đó, các yêu cầu về giảm phát thải carbon và tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe đang thúc đẩy doanh nghiệp trong ngành nâng cao năng lực sản xuất theo hướng bền vững.

NHẬN XÉT CHUNG

Thách thức và giải pháp thích ứng

Ngành kinh doanh trong năm qua đã đối mặt với nhiều thách thức do biến động thị trường, sự thay đổi từ chính sách thuế, áp lực chi phí duy trì ở mức cao cùng nhu cầu thị trường có sự phân hóa mạnh. Tuy nhiên, với tinh thần chủ động và quyết tâm, công ty đã nỗ lực triển khai các biện pháp nhằm tối ưu hóa hoạt động, điều chỉnh chiến lược kinh doanh và tăng cường quản lý rủi ro. Bằng việc tái cơ cấu nguồn lực, tối ưu chi phí và duy trì sự linh hoạt trong vận hành, công ty đã từng bước thích ứng với bối cảnh mới, đảm bảo duy trì hoạt động ổn định dù chịu nhiều áp lực.

Cải tiến và định hướng tương lai

Mặc dù kết quả kinh doanh chưa đạt kỳ vọng, nhưng những nỗ lực cải tiến và chiến lược ứng phó kịp thời đã giúp công ty từng bước kiểm soát tình hình, tạo tiền đề cho sự phục hồi trong tương lai. Bước sang năm 2026 với những cơ hội mới, Công ty tiếp tục kiên trì với định hướng phát triển bền vững, tập trung vào nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa danh mục sản phẩm/dịch vụ và tìm kiếm các cơ hội tăng trưởng mới. Với tinh thần đổi mới, sáng tạo và sự đồng lòng của toàn thể đội ngũ, Công ty tin tưởng rằng sẽ vượt qua giai đoạn khó khăn, từng bước củng cố vị thế và hướng tới sự phát triển lâu dài.



Báo cáo của Ban Điều hành (Tiếp)

Kết quả kinh doanh cả năm



Doanh thu thuần năm 2025 đạt 0,15 tỷ đồng, giảm 99,73% so với năm 2024. Chưa đạt kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu do cạnh tranh gia tăng, và điều kiện thị trường kém thuận lợi.

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt âm 78,3 tỷ. Mặc dù chưa đạt kế hoạch đề ra, nhưng kết quả này cho thấy những tín hiệu hồi phục tích cực. Nguyên nhân chủ yếu do thị trường biến động bất lợi, chi phí gia tăng và nhu cầu suy giảm, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

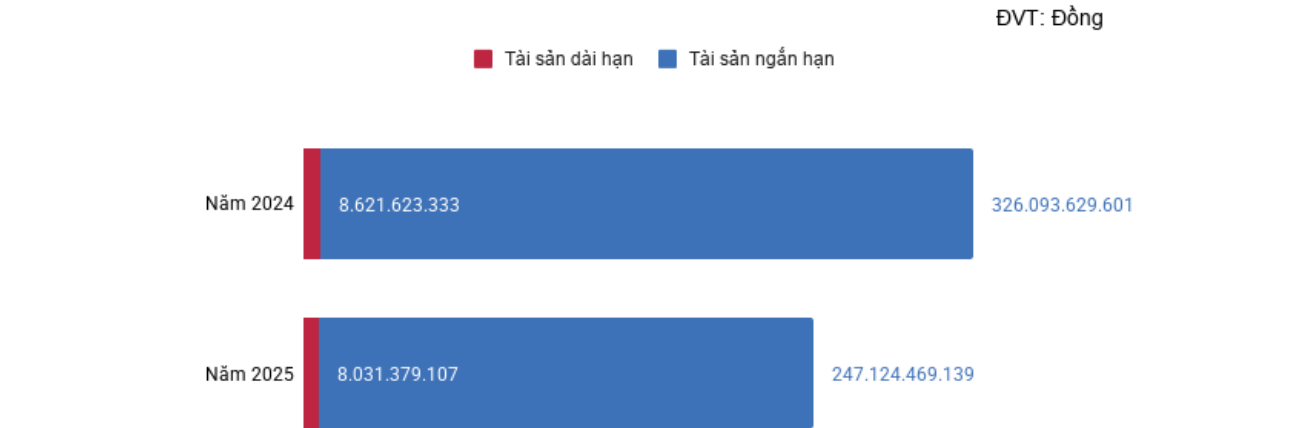
Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	TH/KH 2025
Doanh thu thuần (Tỷ đồng)	50 - 100	0,150	0,3%
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)	0,4 - 0,8	(-78,3)	-19.575%

Do bối cảnh thị trường có nhiều biến động, môi trường kinh doanh gặp không ít thách thức, khiến công ty chưa thể đạt được kế hoạch đề ra như kỳ vọng. Những yếu tố khách quan như sự thay đổi trong xu hướng tiêu dùng, điều chỉnh chính sách và diễn biến khó lường trong kinh tế vĩ mô đã tạo ra những áp lực nhất định, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng chung. Ngoài ra công ty gặp khó khăn trong việc mở rộng thị phần và triển khai các dự án theo kế hoạch.

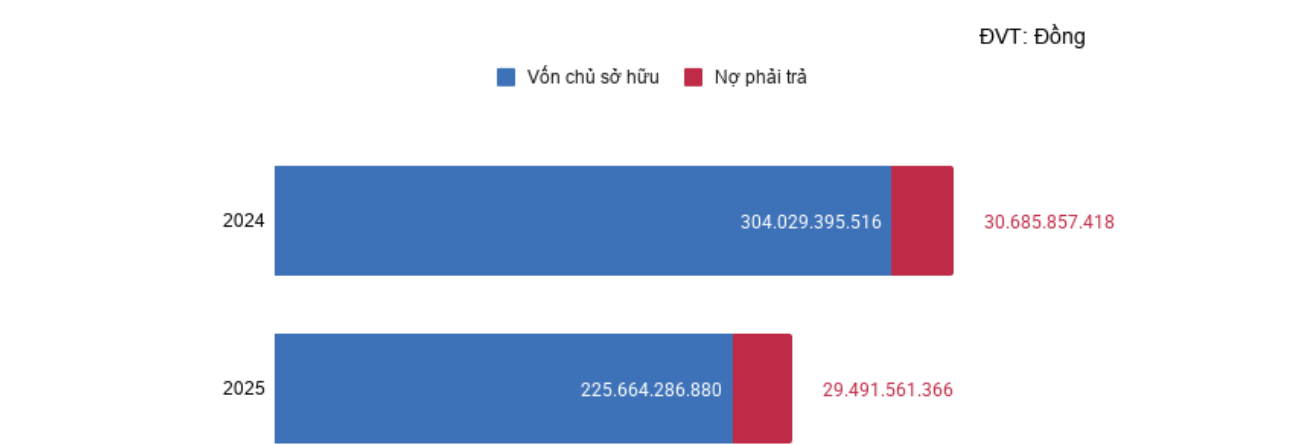
Tình hình Tài sản và Nguồn vốn

Tài sản



Trong năm 2025, cơ cấu tài sản của Công ty ghi nhận sự chuyển dịch tích cực theo hướng tinh gọn và minh bạch hóa. Mặc dù tổng tài sản điều chỉnh giảm 23,77%, nhưng chất lượng tài sản đã có những cải thiện đáng kể khi Công ty quyết liệt đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, giúp các khoản phải thu ngắn hạn giảm 25,07%. Điểm sáng nổi bật nằm ở nhóm tài sản ngắn hạn khác (bao gồm trả trước cho người bán và thuế VAT được khấu trừ) với mức tăng trưởng ấn tượng 219,03%. Việc chủ động gia tăng các khoản trả trước và xử lý triệt để các tài sản dài hạn khác (giảm 91,65%) cho thấy sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nguồn lực và vị thế sẵn sàng của doanh nghiệp để khôi phục các hoạt động kinh doanh cốt lõi trong giai đoạn tới.

Nguồn vốn



Cơ cấu nguồn vốn của Công ty tiếp tục được duy trì ở trạng thái an toàn cao, tạo điểm tựa vững chắc cho quá trình tái cấu trúc. Dù vốn chủ sở hữu chịu áp lực điều chỉnh do kết quả kinh doanh trong giai đoạn chuyển đổi, Công ty vẫn kiểm soát tốt các nghĩa vụ tài chính khi nợ phải trả giảm 3,89% và hoàn toàn không ghi nhận nợ vay dài hạn. Với tỷ lệ nợ trên tổng nguồn vốn duy trì ở mức thấp (khoảng 11,56%), QBS đang sở hữu một cấu trúc vốn lành mạnh, ít chịu áp lực từ chi phí lãi vay và có dư địa lớn để chủ động huy động nguồn lực tài chính khi triển khai các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng thị trường kinh doanh.

Báo cáo của Ban Điều hành (Tiếp)

Hoạt động kinh doanh và phát triển thị trường

Mảng phân bón

Tập trung tìm kiếm và thiết lập các nguồn cung ổn định đối với các mặt hàng phân bón, hóa chất và nguyên liệu đầu vào thông qua việc mở rộng hợp tác với các nhà sản xuất trong và ngoài nước, nhằm từng bước chủ động nguồn hàng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Phát huy lợi thế là doanh nghiệp có hệ thống khách hàng và kênh tiêu thụ đã được xây dựng trong nhiều năm, tăng cường kết nối với các đối tác, đại lý truyền thống để khôi phục và mở rộng sản lượng tiêu thụ ngay khi nguồn hàng được đảm bảo.

Chủ động nghiên cứu, tìm kiếm các mặt hàng mới hoặc các dòng sản phẩm có nhu cầu ổn định trên thị trường nhằm đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, giảm phụ thuộc vào một số mặt hàng truyền thống.

Tăng cường công tác phân tích thị trường, theo dõi diễn biến cung - cầu, giá cả và chính sách thương mại trong ngành phân bón, hóa chất để có giải pháp kinh doanh linh hoạt, phù hợp với từng giai đoạn của thị trường.

Từng bước mở rộng quan hệ hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước, tận dụng cơ hội từ các hoạt động thương mại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



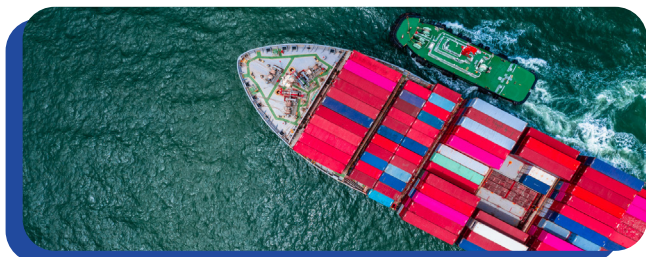
Một số vấn đề khác

Công ty tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, dòng tiền và các khoản công nợ nhằm hạn chế rủi ro tài chính, chủ động phòng ngừa phát sinh nợ xấu và đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

Tạo điều kiện và khuyến khích cán bộ, người lao động đề xuất các sáng kiến, ý tưởng và giải pháp mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cải tiến quy trình làm việc và tối ưu hiệu suất công việc.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách nhân sự phù hợp nhằm giữ chân đội ngũ nhân lực chủ chốt, đồng thời tăng cường thu hút nguồn nhân lực có năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn tới.

Chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thị trường; đồng thời tăng cường công tác quản trị, cân đối nguồn lực và tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ - xuất nhập khẩu. Công ty hiện không có nhà máy sản xuất, hoạt động chủ yếu tại các khối văn phòng. Vì vậy, công ty không trực tiếp liên quan đến vấn đề xử lý chất thải do quá trình sản xuất tạo ra. Tuy nhiên, ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường trong Công ty vẫn luôn được đề cao, một trong số đó là ý thức về việc tiết kiệm tài nguyên nước và điện năng. Công ty luôn nhắc nhở kịp thời những cá nhân, tập thể chưa có ý thức trong việc sử dụng tiết kiệm điện và nước.

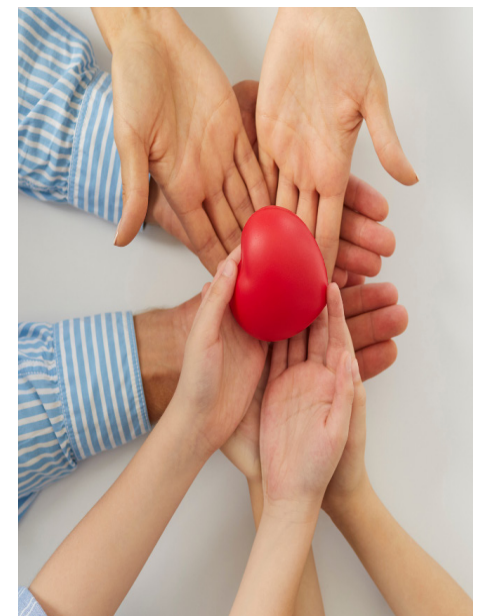


Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban Điều hành đánh giá cao các chính sách của QBS đối với người lao động như chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách lương thưởng, chính sách phúc lợi - đãi ngộ, chính sách đào tạo - tuyển dụng. Công ty luôn có sự quan tâm kịp thời đối với người lao động, giữ chân những lao động có kinh nghiệm lâu năm đồng thời đào tạo phát triển những nhân lực trẻ, có năng lực. BGD cũng tham gia vào quá trình xây dựng các chính sách dành cho người lao động để vừa phù hợp với pháp luật hiện hành cũng vừa đảm bảo người lao động được hưởng những quyền lợi tốt nhất.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Một trong những mục tiêu hoạt động của QBS là có thể đóng góp cho địa phương, góp phần tăng trưởng kinh tế của Hải Phòng. Công ty đã có các chương trình Tết âm no, dành tặng 60 suất quà (bao gồm tiền và hiện vật) cho các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn tại xã Đông Sơn, Tân Dương (huyện Thủy Nguyên), phường Hạ Lý (quận Hồng Bàng) và 20 suất quà cho nạn nhân chất độc màu da cam của huyện Thủy Nguyên. Công ty tổ chức hoạt động định kỳ hàng tháng trao quà cho các bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn tại Bệnh viện Nhi Trung ương. Qua đó đưa hình ảnh Công ty trở nên gần gũi hơn, cũng như nâng cao tinh thần trách nhiệm của toàn thể cán bộ nhân viên với cộng đồng.



Báo cáo của Ban Điều hành (Tiếp)

Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Doanh thu thuần
50 - 100 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế
0,4 - 0,8 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế
0,32 - 0,64 tỷ đồng

Công ty cam kết là doanh nghiệp tiên phong trong phát triển xanh và bền vững, tiếp tục đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Bước sang năm 2026, Công ty Xuất nhập khẩu Quảng Bình đưa ra những chỉ tiêu chính cho kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

- Doanh thu thuần: 50 - 100 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 0,32 - 0,64 tỷ đồng

Công ty quyết tâm vươn lên vị trí hàng đầu trong lĩnh vực phân phối các mặt hàng phân bón, Ure, NPK và tiếp tục mở rộng thị phần ở các mặt hàng khác trong nước

Kế hoạch và định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026

Trong năm 2026, HĐQT tiếp tục thực hiện vai trò định hướng chiến lược, giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc nhằm bảo đảm hoạt động của công ty phù hợp với thị trường và mục tiêu phát triển của doanh nghiệp. Một số định hướng trọng tâm gồm:

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Điều hành tập trung tìm kiếm, thiết lập và đa dạng hóa nguồn cung đối với các mặt hàng phân bón, hóa chất và các sản phẩm liên quan nhằm đảm bảo nguồn hàng ổn định phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Phát huy lợi thế về hệ thống khách hàng và kênh phân phối đã được xây dựng trong nhiều năm, tăng cường kết nối với các đối tác, đại lý truyền thống nhằm khôi phục và mở rộng sản lượng tiêu thụ khi điều kiện nguồn hàng thuận lợi.
- Tăng cường công tác phân tích, dự báo thị trường, theo dõi diễn biến cung - cầu và giá cả trong ngành phân bón, hóa chất để kịp thời đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế.
- Chỉ đạo tăng cường công tác quản trị tài chính, kiểm soát dòng tiền, quản lý chặt chẽ công nợ nhằm hạn chế rủi ro tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý; đồng thời quan tâm xây dựng và phát triển nguồn nhân lực, tạo điều kiện để người lao động phát huy sáng kiến, nâng cao hiệu quả công việc.

CHƯƠNG 4

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

NĂM 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ _____ 62

BAN KIỂM SOÁT _____ 65

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO
VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH _____ 66

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
QUẢN TRỊ CÔNG TY
DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY
KHU VỰC ASEAN _____ 67



Hội đồng quản trị

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Trần Thị Yến Chi	Chủ tịch HĐQT	24/06/2024	6/6	100%
2	Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	20/04/2020	6/6	100%
3	Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên HĐQT độc lập	23/04/2021	6/6	100%

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01-03/2025/NQ-HĐQT	05/03/2025	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
2	01-04/2025/NQ-HĐQT	25/04/2025	Thông qua việc thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
3	02-04/2025/NQ-HĐQT	29/04/2025	Thông qua thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 tổ chức lần thứ 2.
4	01-05/2025/NQ-HĐQT	28/05/2025	Thông qua thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 tổ chức lần thứ 3.
5	01-06/2025/NQ-HĐQT	24/06/2025	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025.
6	01-07/2025/NQ-HĐQT	25/07/2025	Thay đổi đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025.

Hội đồng quản trị (Tiếp)

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

- Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám đốc.
- HĐQT đã chủ trì các cuộc họp liên quan đến tổ chức ĐHCĐ và các vấn đề quan trọng khác.
- HĐQT đã tổ chức họp ĐHCĐ thường niên để thông qua các kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, phương hướng kế hoạch kinh doanh năm 2025. Tuy nhiên vì lý do khách quan, ĐHCĐ thường niên tại thời điểm diễn ra không đủ số cổ phần tham dự theo quy định của pháp luật hiện hành, không đủ điều kiện tiến hành họp tại 2 lần tổ chức, và tổ chức thành công vào lần thứ 3.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

- Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ của ban trong năm, bao gồm:
- Đưa ra, đảm bảo thông qua việc kiểm tra và đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm giúp Công ty đạt được các mục tiêu chiến lược, hoạt động, tuân thủ và tài chính.
 - Đưa ra các tư vấn, kiến nghị một cách độc lập khách quan: Thực hiện các hoạt động tư vấn liên quan đến quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ phù hợp với Công ty.
 - Tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.
 - Kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Ban Giám đốc và HĐQT. Các thành viên của Ban kiểm toán nội bộ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và không cản trở tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện đầy đủ, đúng chức năng nhiệm vụ của mình. Thực hiện hoạt động thẩm định báo cáo tài chính và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị một cách hiệu quả, tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Toàn bộ kết quả hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong Báo cáo của Ban Kiểm toán nội bộ năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

- Kiểm tra, đánh giá và tư vấn, kiểm toán nội bộ đưa ra các đảm bảo mang tính độc lập, khách quan và các kiến nghị về: Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty; Các quy định quản trị và quy trình quản lý rủi ro; Các mục tiêu hoạt động và các mục tiêu chiến lược, kế hoạch và nhiệm vụ công tác Công ty đạt được.
- Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đúng vai trò, nhiệm vụ của mình. Công tác quản trị và giám sát được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch và báo cáo đầy đủ trong Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025.

Ban Kiểm soát

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban Kiểm soát (Ủy viên Ban Kiểm toán)	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng BKS	05/03/2014	3/3	100%	100%
2	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	05/03/2014	3/3	100%	100%
3	Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên BKS	24/03/2017	3/3	100%	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và Cổ đông

- Đầu năm 2025, BKS đã tiến hành họp để phân công nhiệm vụ của từng thành viên và thống nhất kế hoạch kiểm soát hoạt động của công ty. Bên cạnh đó, BKS tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT trong 6 tháng đầu năm 2025.
- Trong năm 2025, HĐQT và Ban Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định, chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển.
- Đối với cổ đông: Trong năm 2025, BKS không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ của Công ty.
- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho BKS thu thập các thông tin theo yêu cầu.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	8.000.000
2	Thành viên HĐQT	6.000.000
3	Trưởng BKS	6.000.000
4	Thành viên BKS	4.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Không có



Báo cáo tình hình thực hiện quản trị dựa trên thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
A	Quyền của Cổ đông		
A.1	Quyền cơ bản của Cổ đông		
A.1.1	Công ty có trả cổ tức một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được cổ đông thông qua tại các ĐHĐCĐ đối với cổ tức cuối năm? Trường hợp công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	4	4
A.2	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của công ty		
	Cổ đông có quyền tham gia		
A.2.1	Sửa đổi Điều lệ, Quy chế công ty	4	4
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	4	4
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	4	4
A.3	Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, và phải được thông tin về quy định hợp ĐHĐCĐ, bao gồm cả thủ tục biểu quyết		
	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác), hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành?		
A.3.1		1	1
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên HĐQT	1	1
A.3.3	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi Đại hội tiến hành	1	1
A.3.4	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận	1	1

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
A.3.5	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	1	1
A.3.6	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	1	1
A.3.7	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và TGD có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	1	1
A.3.8	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	3	3
A.3.9	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của cổ đông (Không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	1	1
A.3.10	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	3	3
A.3.11	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	1	1
A.3.12	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bắt thường trước tối thiểu 21 ngày?	1	1
A.3.13	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/Tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	1	1
A.3.14	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	1	1
A.4	Thị trường giao dịch thầu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch.		
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thầu tóm cần được cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?	4	4
A.5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức.		
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	3	3

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
B	Đối xử bình đẳng với cổ đông		
B.1	Cổ phiếu và quyền biểu quyết		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	1	1
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (VD: thông qua trang thông tin điện tử/báo cáo/sở giao dịch chứng khoán/trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý?)	4	4
B.2	Thông báo ĐHĐCĐ		
B.2.1	Mọi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	3	3
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang Tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương	3	3
B.2.3	Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không: Có cung cấp tiểu sử của thành viên/ủy viên HĐQT sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và vị trí thành viên HĐQT đang tại vị trong các công ty niêm yết khác)?	1	1
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	1	1
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	1	1
B.3	Phải ngăn cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân		
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra ngoài?	1	1
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc	1	1
B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao.		

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	3	3
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát GDBLQ trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không ?	3	3
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	3	3
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	4	4
B.5	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng		
B.5.1	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	4	4
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các cổ đông không liên quan lợi ích	4	4
C	Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan		
C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng.		
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?	3	3
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, quy trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	3	3
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?	3	3
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?	3	3

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của công ty?	3	3
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?	3	3
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	3	3
C.2	Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm.		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (VD: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng,...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	1	1
C.3	Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng		
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên?	1	1
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	1	1
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	1	1
C.4	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ.		
C.4.1	Công ty có chính sách tổ giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web công ty hoặc BCTN?	4	4

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi	4	4
D	Công bố thông tin và minh bạch		
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch		
D.1.1	Thông tin về cổ đông có tiết lộ danh tính của các CSH nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	1	1
D.1.2	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của cổ đông lớn?	1	1
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	1	1
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của ban Điều hành?	1	1
D.2	Chất lượng của BCTN		
	BCTN của công ty có công bố những nội dung sau:		
D.2.1	Mục tiêu của công ty	1	1
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	1	1
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	1	1
D.2.4	Chính sách cổ tức	1	1
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	1	1
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT	1	1
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	1	1
	Tuyên bố Khẳng định về Quản trị Công ty		
D.2.8	BCTN có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?	1	1
D.3	Công bố Giao dịch bên liên quan (GDBLQ)		
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?	4	4
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/ quan trọng?	4	4

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
D.4	Thành viên/ủy viên HĐQT giao dịch cổ phiếu của công ty		
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty	4	4
D.5	Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán		
	Trường hợp cùng công ty kiểm toán cung cấp cả dịch vụ kiểm toán và phi kiểm toán		
D.5.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?	3	3
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	4	4
D.6	Phương tiện truyền thông		
D.6.1	Báo cáo quý	1	1
D.6.2	Trang thông tin điện tử của công ty	1	1
D.6.3	Đánh giá của chuyên gia phân tích	4	4
D.7	Nộp/công bố BCTN/BCTC đúng hạn		
	BCTC năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính	1	1
D.7.2	BCTN có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	1	1
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của BCTC năm có được thành viên HĐQT và/hoặc thành viên điều hành có thẩm quyền của công ty khẳng định?	1	1
D.8	Trang thông tin điện tử của công ty		
D.8.1	BCTC (Quý gần nhất)	1	1
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	4	4
D.8.3	BCTN có thể được tải về	1	1
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	1	1
D.8.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	1	1
D.8.6	Điều lệ công ty có thể được tải về	1	1
D.9	Quan hệ nhà đầu tư		
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (VD: số điện thoại, fax, và email) của cán bộ/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	1	1

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
E	Trách nhiệm của HĐQT		
E.1	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT		
	Trách nhiệm của HĐQT và quy chế quản trị công ty		
E.1.1	Công ty có công bố quy chế quản trị công ty/điều lệ hoạt động của HĐQT?	1	1
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	1	1
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định và công bố rõ ràng?	1	1
	Tầm nhìn/sứ mệnh của công ty		
E.1.4	Công ty có công bố tầm nhìn và sứ mệnh được xem xét, cập nhật?	1	1
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của công ty ít nhất một năm?	1	1
E.1.6	Thành viên HĐQT có quy trình xem xét, giám sát, theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	1	1
E.2	Cơ cấu HĐQT		
	Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử		
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	4	4
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	4	4
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	4	4
	Thành phần và cơ cấu của Hội đồng quản trị		
E.2.4	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên HĐQT	3	3
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập? Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi đưa ra Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011	3	3
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa năm vị trí HĐQT mà một thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	3	3

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	1	1
	Tiểu ban Nhân sự		
E.2.8	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	4	4
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	4	4
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải thành viên HĐQT độc lập?	4	4
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị /điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?	4	4
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm?	4	4
	Tiểu ban Thù lao/Lương thưởng		
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thù lao không?	4	4
E.2.14	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?	4	4
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thù lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?	4	4
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Thù lao?	4	4
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thù lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thù lao có họp tối thiểu hai lần trong năm?	4	4
	Tiểu ban Kiểm toán		
E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	4	4
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	4	4
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	4	4
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	4	4
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	4	4

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu bốn lần trong năm?	4	4
E.3	Quy trình HĐQT		
	Họp và tham dự họp HĐQT		
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	3	3
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?	1	1
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	1	1
E.3.4	Công ty có yêu cầu về số đại biểu tham dự tối thiểu phải đạt 2/3 số thành viên HĐQT đối với các cuộc họp cần ra quyết định của HĐQT?	1	1
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	1	1
	Tiếp cận thông tin		
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp HĐQT?	1	1
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm của mình?	1	1
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan?	1	1
	Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT		
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	1	1
E.3.10	Công ty có mô tả quy trình được áp dụng trong việc bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	1	1
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần? Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản Trị Công ASEAN vào năm 2011.	1	1

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thực hành về thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách khích lệ và các chỉ tiêu hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?	1	1
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	1	1
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	1	1
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc ban Điều hành với lợi ích lâu dài của công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deferred bonus)?	1	1
	Kiểm toán Nội bộ		
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ riêng biệt?	1	1
E.3.17	Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty thuê ngoài có được công bố công khai?	1	1
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	3	3
	Giám sát rủi ro		
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà công ty đang thực hiện?	1	1
E.3.20	BCTN/BCQT công ty có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?	1	1
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	1	1
E.3.22	BCTN/BCQT công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	1	1

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
E.4	Nhân sự trong HĐQT		
	Chủ tịch HĐQT		
E.4.1	Hai người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGD	1	1
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	3	3
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng giám đốc/ Giám đốc điều hành của công ty trong 2 năm trước?	1	1
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch có được công bố công khai?	1	1
	Trưởng thành viên HĐQT độc lập		
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	3	3
	Kỹ năng và năng lực		
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	1	1
E.5	Hiệu quả HĐQT		
	Phát triển thành viên HĐQT		
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới	1	1

Mã	Tiêu chí	Tình hình tuân thủ của QBS	
		Năm 2024	Năm 2025
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	1	1
	Bổ nhiệm và Hiệu quả của TGD/Ban Điều hành		
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	2	2
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGD/Giám đốc Điều hành/Quản lý chủ chốt?	1	1
	Đánh giá HĐQT		
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	2	2
	Đánh giá thành viên HĐQT		
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	2	2
	Đánh giá tiểu ban HĐQT		
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	2	2

Trong đó:
 (1) : Thực hiện tốt thông lệ
 (2) : Đã thực hiện một phần nhưng chưa đầy đủ theo thông lệ
 (3) : Chưa thực hiện theo thông lệ
 (4) : Không xảy ra trường hợp này tại QBS

CHƯƠNG 5

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG

MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TẦM NHÌN BỀN VỮNG _____ 82

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG _____ 86

CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG _____ 89

CÁC CHƯƠNG TRÌNH
VỚI CÔNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG _____ 90



Tầm nhìn bền vững

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại QBS, chúng tôi không định nghĩa phát triển bền vững như một đích đến, mà là hơi thở xuyên suốt mọi nhịp đập kinh doanh. Với vị thế tiên phong trong hệ sinh thái thương mại phân bón và hóa chất, QBS kiên định với sứ mệnh kiến tạo những giá trị xanh, hài hòa giữa lợi ích kinh tế và sự bảo tồn tài nguyên. Chúng tôi dành trọn tâm huyết để mang đến cho đối tác và khách hàng những giải pháp sản phẩm thượng hạng, an toàn với hệ sinh thái, từ đó trực tiếp bồi đắp cho sự trù phú của nền nông nghiệp Việt Nam và thực hiện khát vọng phụng sự quốc gia trường tồn.

ĐỐI VỚI XÃ HỘI

QBS ý thức sâu sắc về sự cộng sinh giữa doanh nghiệp và cộng đồng, nơi an sinh xã hội được đặt làm trọng tâm của mọi lộ trình phát triển. Chúng tôi khắt khe trong việc kiểm soát tác động môi trường, đảm bảo mỗi bước đi của công ty đều gắn liền với sự an lành của cộng đồng thông qua những sản phẩm xanh và nhân văn. Không dừng lại ở các cam kết đạo đức, QBS chủ động khởi xướng các chương trình kiến tạo giá trị chia sẻ, đóng góp tích cực vào bức tranh kinh tế địa phương. Trong mọi tầm nhìn, chúng tôi kiên định duy trì các chuẩn mực liêm chính, không ngừng lan tỏa tinh thần trách nhiệm để xây dựng một tương lai nơi sự thịnh vượng của doanh nghiệp luôn đồng hành cùng chất lượng cuộc sống của xã hội

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Con người chính là di sản quý giá nhất và là nguồn động lực nội sinh mãnh liệt thúc đẩy con tàu QBS vươn xa. Chúng tôi kiến tạo một không gian làm việc mà ở đó quyền lợi của người lao động được trân trọng như những giá trị cốt lõi nhất, tuyệt đối thượng tôn pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Bằng các chính sách đãi ngộ nhân văn, lộ trình đào tạo chuyên sâu và hệ thống phúc lợi toàn diện, QBS nỗ lực thắp sáng niềm tin để mỗi thành viên đều an tâm cống hiến và tự hào về bản sắc công ty. Trong một môi trường năng động, công bằng và đầy cảm hứng, chúng tôi khuyến khích sự bứt phá sáng tạo, tin rằng khi mỗi cá nhân được tiếp sức và thấu hiểu, họ sẽ chính là những đại sứ kiến tạo nên thành công vững bền cho tập thể.

Tâm nhìn bền vững (Tiếp)

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Niềm tin của khách hàng là thước đo chân thực nhất cho uy tín và sự tồn tại của QBS. Chúng tôi đặt khách hàng tại “tâm điểm” của mọi chiến lược, cam kết phụng sự bằng sự trung thực tuyệt đối và chất lượng vượt trội trong từng mẫu thông tin, từng sản phẩm cung ứng. QBS không ngừng tự tiến hóa, lắng nghe bằng sự chân thành để thấu hiểu và đáp ứng những kỳ vọng ngày càng khắt khe của thị trường. Chúng tôi nỗ lực xây dựng những mối quan hệ bền chặt dựa trên nền tảng đạo đức kinh doanh minh bạch và dịch vụ tận tâm, đảm bảo mỗi trải nghiệm của khách hàng với QBS đều là sự an tâm về chất lượng và sự hài lòng về giá trị.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI TÁC

Sự chính trực và minh bạch là “kim chỉ nam” trong mọi mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa QBS và các cổ đông. Chúng tôi thực thi trọng trách bảo vệ và gia tăng giá trị lợi ích cho các nhà đầu tư bằng một hệ thống quản trị chuyên nghiệp, công bố thông tin kịp thời và chính xác tuyệt đối. QBS không ngừng tối ưu hóa hiệu quả vận hành, nâng cao năng lực cạnh tranh cốt lõi để biến niềm tin của cổ đông thành những thành quả thịnh vượng dài hạn. Chúng tôi luôn mở rộng không gian đối thoại, trân trọng mọi ý kiến đóng góp để cùng nhau thắt chặt sự gắn kết, kiến tạo nên một nền tảng phát triển vững chãi và vươn tới những đỉnh cao mới của sự thành công trong tương lai.



Báo cáo tác động môi trường

Quản lý Năng lượng và Tối ưu hóa hiệu suất

Trong lộ trình vận hành năm 2025, tổng sản lượng điện năng tiêu thụ của QBS ghi nhận ở mức 18 kWh, phục vụ chủ yếu cho các hoạt động nghiệp vụ văn phòng và điều hành của đội ngũ cán bộ công nhân viên. Toàn bộ nguồn năng lượng này được cung ứng bởi lưới điện quốc gia thông qua EVN và các đơn vị thành viên, đảm bảo tính ổn định cho dòng chảy kinh doanh. Song song đó, các nhiên liệu hóa thạch như xăng và dầu diesel cũng được điều phối nhịp nhàng cho công tác hậu cần, vận tải và dự phòng phát điện. So với năm 2024, chỉ số tiêu thụ năng lượng năm 2025 được duy trì ở mức cân bằng, minh chứng cho tính hiệu quả của các sáng kiến tiết kiệm năng lượng mà QBS đã triển khai tại các đơn vị trực thuộc. Tiêu biểu như việc ưu tiên kiến trúc tối ưu hóa công năng, tận dụng tối đa nguồn sáng tự nhiên để giảm thiểu phụ thuộc vào quang năng nhân tạo, hay lộ trình thay thế định kỳ các thiết bị tiêu hao bằng hệ thống tiết kiệm điện thế hệ mới mà vẫn bảo toàn hiệu suất vận hành. Đặc biệt, QBS luôn hưởng ứng mạnh mẽ lời kêu gọi của Chính phủ thông qua việc duy trì nhiệt độ điều hòa không dưới 25°C trong những giai đoạn cao điểm hè. Hướng tới tương lai, QBS kiên định với mục tiêu gia tăng tỷ trọng năng lượng sạch, không ngừng cải tiến các biện pháp kỹ thuật để kiến tạo một môi trường kinh doanh xanh và bền vững.



Quản trị Tài nguyên và Chuỗi cung ứng

Hoạt động trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu, chiến lược quản trị của QBS tập trung vào việc lưu thông các dòng nguyên liệu thô thay vì trực tiếp sản xuất. Do đặc thù mô hình kinh doanh hướng mạnh vào phân phối và logistics, khối lượng nguyên vật liệu tiêu thụ nội tại hàng năm được duy trì ở mức tối giản. Điều này không chỉ giúp Công ty giải tỏa áp lực về chi phí đầu vào mà còn tạo ra một “tấm đệm” an toàn trước những biến động khó lường của mặt bằng giá cả thị trường. Nhờ không phụ thuộc quá mức vào nguồn cung nguyên liệu sản xuất, QBS sở hữu sự linh hoạt tối đa trong việc điều chỉnh chiến lược kinh doanh, tập trung nguồn lực cốt lõi vào việc mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược và nâng tầm dịch vụ khách hàng. Hơn nữa, việc duy trì mức tiêu thụ tài nguyên không đáng kể giúp Công ty miễn nhiễm trước các rủi ro về khan hiếm nguồn cung hay các rào cản từ chính sách thuế quan và thương mại quốc tế. Đây chính là nền tảng để QBS bảo toàn sự ổn định vận hành, nâng cao vị thế cạnh tranh và tối ưu hóa giá trị lợi nhuận trong dài hạn.



Bảo tồn Tài nguyên Nước

Năm 2025, QBS đã điều phối sử dụng khoảng 300 mét khối nước cho toàn bộ hệ thống vận hành và sinh hoạt văn phòng. Nguồn nước được tinh chọn từ hệ thống cấp nước sạch Hải Phòng, đảm bảo các tiêu chuẩn khắt khe nhất về vệ sinh và an toàn. So với giai đoạn 2024, chỉ số tiêu thụ tài nguyên nước được giữ ở mức ổn định, phản ánh tư duy quản trị tài nguyên thông minh và cam kết của QBS trong việc bảo tồn các nguồn lực tự nhiên. Dù không phát sinh nhu cầu sử dụng nước lớn cho sản xuất, QBS vẫn đặt trọng tâm vào việc giáo dục ý thức trách nhiệm cho đội ngũ nhân sự. Các biện pháp thực tiễn như tối ưu hóa hệ thống cấp thoát nước, định kỳ rà soát mạng lưới để ngăn chặn thất thoát và khuyến khích lối sống tiết kiệm đã trở thành một nét văn hóa đẹp tại văn phòng, góp phần vào lộ trình quản lý tài nguyên bền vững của Công ty.

Báo cáo tác động môi trường (Tiếp)

Tuân thủ Pháp lý và Chuẩn mực Môi trường

Thượng tôn pháp luật là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của QBS, đặc biệt là các quy định về bảo vệ môi trường và hệ sinh thái. Công ty nghiêm túc thực hiện các nghị định về quản lý chất thải và sử dụng năng lượng hiệu quả theo đúng các tiêu chuẩn xanh do Nhà nước ban hành, đảm bảo sự hài hòa giữa kinh doanh và bảo tồn cộng đồng. QBS không ngừng cập nhật và tiên phong ứng dụng các chính sách môi trường mới nhất để kịp thời tinh chỉnh bộ máy quản lý. Bên cạnh việc tuân thủ triệt để, chúng tôi còn chủ động phối hợp cùng các cơ quan chức năng và đối tác chiến lược để triển khai các dự án xanh, nỗ lực xây dựng một không gian làm việc thân thiện với thiên nhiên và hướng tới các mục tiêu ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) trong dài hạn.



Kiểm soát Phát thải và Quản lý Chất thải

QBS xác định việc quản trị chất thải và khí thải là trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Các quy trình giảm thiểu, tái chế và xử lý chất thải được thiết kế khoa học nhằm triệt tiêu các tác động tiêu cực đến môi trường sống. Song song đó, các cơ chế kiểm soát phát thải được giám sát chặt chẽ, hướng tới mục tiêu làm sạch bầu không khí và bảo vệ hệ sinh thái xung quanh. Việc hợp tác chiến lược với các đơn vị xử lý chuyên trách đảm bảo mọi quy trình diễn ra an toàn, minh bạch và đúng chuẩn mực pháp lý. QBS tin rằng, việc nuôi dưỡng ý thức trách nhiệm trong từng cá nhân thông qua các chương trình đào tạo nội bộ về sử dụng tài nguyên hợp lý chính là chìa khóa để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững một cách thực chất.

Bảo tồn Đa dạng sinh học và Kiến tạo Sinh thái

Gìn giữ sự đa dạng sinh học và cân bằng sinh thái là ưu tiên hàng đầu trong triết lý “Kinh doanh vì sự sống” của QBS. Chúng tôi áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt để hạn chế sự xâm lấn đối với môi trường tự nhiên, nỗ lực bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên cho các thế hệ tương lai. Thông qua các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và triển khai các sáng kiến xanh, QBS mong muốn lan tỏa tầm quan trọng của việc sống hài hòa cùng thiên nhiên. Sự liên kết chặt chẽ với các tổ chức bảo tồn và việc tham gia trực tiếp vào các chương trình trồng cây, phục hồi hệ sinh thái là minh chứng rõ nét cho trách nhiệm của Công ty trong việc duy trì sự đa dạng sinh học và bảo vệ mái nhà chung của nhân loại trong dài hạn.+

Chính sách người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Hiện nay tổng số lao động của QBS là 9 người. QBS đã và đang đảm bảo quyền bình đẳng và ủng hộ sự tham gia lao động của nữ giới với tỷ lệ lên tới 77,78%. Với mức lương dành cho người lao động, QBS luôn đảm bảo mức lương tối thiểu theo quy định và luôn hướng đến mục tiêu nâng cao thu nhập cho người lao động. Theo đó, mức lương bình quân hàng tháng của người lao động là 5.681.956 đồng.

Chính sách lao động đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

QBS luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật Việt Nam đối với người lao động bao gồm: Bộ Luật Lao động và Luật An toàn, Vệ sinh lao động, Người lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, được công ty hỗ trợ đối với hoàn cảnh khó khăn, thăm hỏi khi ốm đau, nghỉ thai sản, nghỉ ốm, ... Bên cạnh đó, công ty cũng cung cấp bữa ăn giữa ca, nước uống và các cơ sở tiện ích khác. Song song với đó, QBS tích hợp trong việc gắn kết nội bộ thông qua các hoạt động văn nghệ những ngày lễ, các sự kiện thể thao, kỷ niệm nội bộ ... Năm 2025, công ty không ghi nhận bất cứ sự cố, tai nạn lao động và thương tích nghề nghiệp nào.



Hoạt động tuyển dụng và đào tạo người lao động

Trong năm 2025, đối mặt với thị trường khắc nghiệt và tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều thách thức, số lượng nhân sự của QBS có sự điều chỉnh giảm nhẹ với năm trước. Dù vậy, Công ty vẫn kiên trì chủ trương khuyến khích học tập liên tục, tạo mọi điều kiện và cơ hội đào tạo bình đẳng để tất cả cán bộ nhân viên nâng cao năng lực chuyên môn, sẵn sàng thích ứng với yêu cầu thực tế.



Các chương trình với cộng đồng địa phương

Công ty phối hợp thực hiện chương trình trao quà định kỳ hàng tháng (10 suất/1 lần/tháng) cho các bệnh nhi mắc bệnh hiểm nghèo, nan y, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại Bệnh viện Nhi Trung Ương.

Công ty tiếp tục duy trì và phát huy trách nhiệm cộng đồng với nhiều hoạt động thiện nguyện quanh năm, với tổng số tiền lên đến 300 triệu.

Công ty tổ chức chương trình “Tết ấm no” với mục đích dành tặng nhiều suất quà (bao gồm tiền và hiện vật) cho các gia đình chính sách, có hoàn cảnh khó khăn tại xã Tân Dương và phường Hạ Lý.

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ _____ 94

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP _____ 96

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN _____ 98

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH _____ 100

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ _____ 101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH _____ 103



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200730878 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 và được thay đổi lần thứ 33 ngày 23 tháng 07 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Tài Chính Hải Phòng cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Yến Chi	Chủ tịch
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của công ty là Bà Trần Thị Yến Chi - Chủ tịch HĐQT. Kế toán trưởng của Công ty là Ông Nguyễn Văn Trung.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

BAO CAO CỦA BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CONG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAO CAO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CAM KẾT VỀ CONG BỐ THÔNG TIN

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Trần Thị Yến Chi
Chủ tịch HĐQT
Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2026

Số: 21071/2025/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị Công ty

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản công nợ: Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn và Phải trả người bán ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2025 với số tiền lần lượt khoảng 524,9 tỷ VND; 128,8 tỷ VND và 7,3 tỷ VND. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên cùng với điều chỉnh (nếu có) đối với các với khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi là 417,3 tỷ VND. Các đối chiếu xác nhận tại ngày 01/01/2025 cũng không thu thập được và các thủ tục kiểm toán khác không đem lại cơ sở để chúng tôi đánh giá tính hiện hữu, tính đầy đủ và tính giá trị của các khoản công nợ nêu trên cùng với các điều chỉnh (nếu có) đối với các với khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị khoảng 341,7 tỷ VND.

BÁO CAO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Trong năm 2025, Công ty lỗ một khoản 78 tỷ VND. Tại thời điểm 31/12/2025, Lỗ lũy kế của Công ty là khoảng 480 tỷ VND, tương ứng 69% vốn chủ sở hữu. Đồng thời, tại thời điểm phát hành Báo cáo này Công ty đang bị cưỡng chế hóa đơn do không hoàn thành các nghĩa vụ về thuế. Những sự kiện này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty vẫn được trình bày theo giả định liên tục

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính này vào ngày 31/03/2025.




Đỗ Thị Thanh Huyền
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2421-2024-283-1



Nguyễn Hải Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1329-2023-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		247.124.469.139	326.093.629.601
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	10.388.382.425	10.224.908.453
1.	Tiền	111		388.382.425	224.908.453
2.	Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		236.670.696.311	315.848.224.252
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	524.972.700.280	525.791.380.280
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	128.842.268.893	131.543.268.893
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	289.826.211	289.826.211
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(417.434.099.073)	(341.776.251.132)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		65.390.403	20.496.896
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	152.170	76.091
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		65.238.233	20.420.805
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.031.379.107	8.621.623.333
II.	Tài sản cố định	220		8.031.165.231	8.619.060.967
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	8.031.165.231	8.619.060.967
-	Nguyên giá	222		15.377.198.132	15.377.198.132
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.346.032.901)	(6.758.137.165)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		213.876	2.562.366
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	4.5	213.876	2.562.366
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		255.155.848.246	334.715.252.934

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		29.491.561.366	30.685.857.418
I.	Nợ ngắn hạn	310		29.491.561.366	30.685.857.418
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	7.319.977.255	7.207.894.724
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.920.000	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.959.551.085	4.332.108.240
4.	Phải trả người lao động	314		74.769.000	-
5.	Phải trả ngắn hạn khác	319	4.9	742.119.889	752.630.317
6.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	10.617.000.000	10.617.000.000
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		225.664.286.880	304.029.395.516
I.	Vốn chủ sở hữu	410	4.12	225.664.286.880	304.029.395.516
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(480.078.342.417)	(401.713.233.781)
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(401.713.233.781)	(261.249.683.863)
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(78.365.108.636)	(140.463.549.918)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		255.155.848.246	334.715.252.934


Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Thúy


Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Trung


Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Yến Chi
Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	150.000.000	55.540.335.400
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		150.000.000	55.540.335.400
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	89.457.228	55.476.376.475
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		60.542.772	63.958.925
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	190.228.391	211.953.115
7. Chi phí tài chính	22	5.4	100.148.981	136.250.931
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	585.571
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	18.062.372	54.187.104
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	78.219.852.741	134.297.767.183
10. Lỗ từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(78.087.292.931)	(134.212.293.178)
11. Thu nhập khác	31	5.7	-	226.228.677
12. Chi phí khác	32	5.8	277.815.705	2.159.434.573
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(277.815.705)	(1.933.205.896)
14. Lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(78.365.108.636)	(136.145.499.074)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	-	4.318.050.844
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(78.365.108.636)	(140.463.549.918)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	(1.130)	(2.026)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.10	(1.130)	(2.026)

Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Trung

CÔNG TY
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
QUẢNG BÌNH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Yến Chi
Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lỗ trước thuế	1		(78.365.108.636)	(136.145.499.074)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	2		587.895.736	820.398.063
- Các khoản dự phòng	3		75.657.847.941	130.427.237.708
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		14.121.328	(135.665.360)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(190.228.391)	(438.181.792)
- Chi phí lãi vay	6		-	585.571
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		(2.295.472.022)	(5.471.124.884)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		3.474.862.572	(49.870.902.372)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	55.308.044.791
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		418.397.434	2.342.924.544
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.272.411	18.244.090
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(585.571)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.627.000.000)	(1.646.120.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.939.605)	680.480.598
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	2.263.636.364
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		190.228.391	231.185.992
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		190.228.391	2.494.822.356
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(3.126.666.686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(3.126.666.686)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		163.288.786	48.636.268
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	10.224.908.453	10.175.244.925
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		185.186	1.027.260
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.1	10.388.382.425	10.224.908.453

Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Trung

CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Thị Yến Chi

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200730878 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 và được thay đổi lần thứ 33 ngày 23 tháng 07 năm 2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và quản lý doanh nghiệp - Sở Tài Chính Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 693.299.280.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi ba tỷ hai trăm chín mươi chín triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 69.329.928 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 11 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là: Dịch vụ xuất khẩu hàng hóa; Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Kho bãi và lưu trữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Các đối tượng thành viên của Công ty như sau:

Tên các đơn vị thành viên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình – Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đảm bảo tính so sánh thông tin.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại thời điểm 31/12/2025, Lỗ lũy kế của Công ty là 480.078.342.417 VND, tương ứng 69% vốn chủ sở hữu. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai.

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của công ty ở mức cầm chừng, lợi nhuận gộp thấp chưa đủ bù đắp các chi phí quản lý doanh nghiệp. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới hiệu quả hơn và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Hội đồng Quản trị Công ty vẫn đang tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 45
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 - 06

3.5. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.6. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tắc.

3.7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.8. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

3.9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.11. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.12. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

3.13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

1308
IG T
PHÁ
NHẬP
KING
PHỐ

11/11/2025

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	4.467.686	54.307.537
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	383.914.739	170.600.916
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	10.388.382.425	10.224.908.453

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 1,9%/năm. Đây là hợp đồng tiền gửi ký quỹ có kỳ hạn nhằm mục đích đảm bảo thực hiện điều kiện kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh.

18-CTCP
N
KHẨU
BÌNH
HẢI PHÒNG

11/11/2025

4.2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	9.595.261.492	(9.595.261.492)	9.595.261.492	(9.595.261.492)
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	130.805.750.000	(116.583.080.000)	131.258.750.000	(82.399.345.000)
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	166.445.828.800	(63.775.389.110)	166.805.828.800	(43.076.236.250)
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	(107.316.072.995)	107.316.072.995	(107.316.072.995)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	99.040.155.500	(67.831.969.150)	99.050.155.500	(48.028.938.050)
Phải thu các khách hàng khác	11.769.631.493	(7.068.560.811)	11.765.311.493	(6.096.631.830)
	524.972.700.280	(372.170.333.558)	525.791.380.280	(296.512.485.617)

4.3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	38.406.500.000	(38.406.500.000)	38.406.500.000	(38.406.500.000)
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang	20.599.000.000	-	22.150.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	56.145.000.000	-	56.145.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu Bách Việt Hà Nội	5.410.000.000	-	6.665.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	3.815.942.981	(2.242.222.981)	3.710.942.981	(2.242.222.981)
	128.842.268.893	(45.114.548.893)	131.543.268.893	(45.114.548.893)

Ch



HAI HAI

4.4. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Kỳ quỹ, kỳ cược	112.500.000	-	112.500.000	-
Phải thu khác ngắn hạn	149.216.622	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
Lãi tiền gửi	28.109.589	-	28.109.589	-
	289.826.211	(149.216.622)	289.826.211	(149.216.622)

4.5. Chi phí trả trước

4.5.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phân bổ khác	152.170	76.091
	152.170	76.091

4.5.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	213.876	2.562.366
	213.876	2.562.366

Ch



HAI HAI

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu	31/12/2025				01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	-	107.316.072.995	107.316.072.995	-	107.316.072.995
- Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	166.805.828.800	103.030.439.690	63.775.389.110	166.805.828.800	123.729.592.550	43.076.236.250
- Công ty SW Intertrade Trading	4.486.106.650	516.471.130	3.969.635.520	4.486.106.650	1.488.400.111	2.997.706.539
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hoàng Cầu	130.805.750.000	14.222.670.000	116.583.080.000	131.258.750.000	48.859.405.000	82.399.345.000
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn - VT	38.406.500.000	-	38.406.500.000	38.406.500.000	-	38.406.500.000
- Công ty Cổ phần XNK Hà Nội	99.040.155.500	31.208.186.350	67.831.969.150	99.060.155.500	51.031.217.450	48.028.938.050
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	19.551.452.298	-	19.551.452.298	19.551.452.298	-	19.551.452.298
	566.411.866.243	148.977.767.170	417.434.099.073	566.884.866.243	225.108.615.111	341.776.251.132

HPHC CÔNG CỐ PHẬT NHÀ QUẢNG BÌNH 0073 11/5/2025 01/01/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tài sản cố định	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Số đầu năm	11.214.964.082	397.272.773	2.933.840.453	831.120.824	15.377.198.132
Số cuối năm	11.214.964.082	397.272.773	2.933.840.453	831.120.824	15.377.198.132
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	3.004.101.221	397.272.773	2.537.764.089	818.999.082	6.758.137.165
Tăng trong năm	423.182.892	-	156.631.696	8.081.148	587.895.736
- Khấu hao trong năm	423.182.892	-	156.631.696	8.081.148	587.895.736
Số cuối năm	3.427.284.113	397.272.773	2.694.395.785	827.080.230	7.346.032.901
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- Tại ngày đầu năm	8.210.862.861	-	396.076.364	12.121.742	8.619.060.967
- Tại ngày cuối năm	7.787.679.969	-	239.444.668	4.040.594	8.031.165.231

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2025 là 3.445.131.633 VND (Tại 01 tháng 01 năm 2025 là 2.473.610.633 VND).

HPHC CÔNG CỐ PHẬT NHÀ QUẢNG BÌNH 0073 11/5/2025 01/01/2025

4.8. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất tại Hải Phòng	888.362.000	888.362.000	888.362.000	888.362.000
Công ty Cổ phần DAP-VINACHEM	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800	1.039.530.800
Fagro Internatoinal Trading Fze	3.225.324.168	3.225.324.168	3.124.322.623	3.124.322.623
Các đối tượng khác	904.260.287	904.260.287	893.179.301	893.179.301
	7.319.977.255	7.319.977.255	7.207.894.724	7.207.894.724

4.9. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	631.180	11.141.608
Bảo hiểm xã hội:	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.488.709	741.488.709
- Công ty Cổ phầnTransworld QBV ICD	741.488.709	741.488.709
	742.119.889	752.630.317

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09 – DN

4.10. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

c	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	23.167.899	-	7.920.000	31.087.899	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.161.930.844	-	-	1.627.000.000	534.930.844	-
Thuế thu nhập cá nhân	304.254	-	29.187.871	29.392.832	99.293	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.146.705.243	-	278.114.092	298.387	2.424.520.948	-
	4.332.108.240	-	319.221.963	1.691.779.118	2.959.551.085	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.11. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000	10.617.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000	10.617.000.000
- Nguyễn Thanh Bình(*)	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000	10.617.000.000
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000	10.617.000.000

(*) Vay cá nhân: Vay cá nhân ông Nguyễn Thanh Bình hợp đồng số 06-2021/HĐVT/QB-NTBF với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tín chấp; Phụ lục hợp đồng vay tiền số 01-062021/HĐVT/QB-NTBF ngày 01/11/2022 về thay đổi thời hạn vay thành 24 tháng. Hai bên đã ký biên bản bù trừ công nợ số 1204/BTKV/QB-NTBF ngày 12/04/2024 để thống nhất sau khi bù trừ công nợ Công ty XNK Quảng Bình còn nợ ông Nguyễn Thanh Bình số tiền là 10.617.000.000 VND.

4.12. Vốn chủ sở hữu
4.12.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(261.249.683.863)	444.492.945.434
Giảm trong năm trước	-	-	-	(140.463.549.918)	(140.463.549.918)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(140.463.549.918)	(140.463.549.918)
Số dư cuối năm trước	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(401.713.233.781)	304.029.395.516
Số dư đầu năm nay	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(401.713.233.781)	304.029.395.516
Giảm trong năm	-	-	-	(78.365.108.636)	(78.365.108.636)
- Lỗ trong năm	-	-	-	(78.365.108.636)	(78.365.108.636)
Số dư cuối năm nay	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(480.078.342.417)	225.664.286.880

4.12.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%
Các cổ đông khác	601.293.490.000	86,73%	601.293.490.000	86,73%
	693.299.280.000	100,00%	693.299.280.000	100,00%

4.12.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.12.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/CP	

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.000.000	55.540.335.400
	150.000.000	55.540.335.400

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	89.457.228	55.476.376.475
	89.457.228	55.476.376.475

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	190.228.391	211.953.115
	190.228.391	211.953.115

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	-	585.571
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	86.027.653	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	14.121.328	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	135.665.360
	100.148.981	136.250.931

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.062.372	54.187.104
	18.062.372	54.187.104

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.408.176.329	2.055.721.365
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.056.293	63.138.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	480.376.136	617.329.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	593.887.874	959.248.524
Chi phí khác bằng tiền	45.508.168	175.091.403
Chi phí dự phòng	75.657.847.941	130.427.237.708
	78.219.852.741	134.297.767.183

5.7. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	226.228.677
	-	226.228.677

5.8. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	277.815.705	-
Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	-	2.159.434.573
	277.815.705	2.159.434.573

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	-	4.318.050.844
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	4.318.050.844

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(78.365.108.636)	(136.145.499.074)
- Các khoản điều chỉnh tăng	277.815.705	2.190.352.465
+) Chi phí không được trừ	277.815.705	2.190.352.465
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(78.087.292.931)	(133.955.146.609)
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	(78.087.292.931)	(133.955.146.609)
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	-
Điều chỉnh bổ sung chi phí thuế TNDN truy thu các năm trước	-	4.318.050.844
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	-	4.318.050.844

5.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(78.365.108.636)	(140.463.549.918)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(78.365.108.636)	(140.463.549.918)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ Cổ phiếu)	(1.130)	(2.026)

5.11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	34.056.293	63.138.908
Chi phí nhân công	1.408.176.329	2.055.721.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	587.895.736	820.398.063
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	75.657.847.941	130.427.237.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	593.887.874	978.698.524
Chi phí khác bằng tiền	45.508.168	175.091.403
	78.327.372.341	134.520.285.971

6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

6.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	10.388.382.425	10.224.908.453	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.828.427.418	184.304.955.359	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	118.216.809.843	194.529.863.812	-	-
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.062.097.144	7.960.525.041	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Vay và nợ	10.617.000.000	10.617.000.000	-	-
	18.679.097.144	18.577.525.041	-	-

(i) Giá trị ghi sổ được ghi nhận theo giá trị thuần, tức là đã trừ đi dự phòng

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ Quốc tế.

6.2. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà

Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm				
Tiền và tương đương tiền	10.224.908.453	-	-	10.224.908.453
Phải thu khách hàng, phải thu khác	184.304.955.359	-	-	184.304.955.359
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	194.529.863.812	-	-	194.529.863.812
	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Sau 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.960.525.041	-	-	7.960.525.041
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Vay và nợ	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000
	18.577.525.041	-	-	18.577.525.041
	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền và tương đương tiền	10.388.382.425	-	-	10.388.382.425
Phải thu khách hàng, phải thu khác	107.828.427.418	-	-	107.828.427.418
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	118.216.809.843	-	-	118.216.809.843



	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Sau 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày cuối năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.062.097.144	-	-	8.062.097.144
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Vay và nợ	10.617.000.000	-	-	10.617.000.000
	18.679.097.144	-	-	18.679.097.144

Hội đồng quản trị đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

7.2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài các sự kiện nêu trên, Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.3. Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7.4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các Bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ghi chú
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18/03/2024
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025	Năm 2024
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Trả gốc tiền vay	-	3.060.000.000



Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2025	01/01/2025
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Vay ngắn hạn	10.617.000.000	10.617.000.000

7.4.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Bà Trần Thị Yến Chi	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 24/06/2024)	111.430.818	47.799.879
Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 24/06/2024)	108.832.496	160.891.339
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	62.208.000	163.785.706
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên HĐQT	62.208.000	86.400.000
Ban kiểm soát			
Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát	62.208.000	86.400.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	46.656.000	64.800.000
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	110.752.065	139.200.805
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Hoàng Văn Hưng	Giám đốc	124.040.556	143.452.626
Ban kiểm toán nội bộ			
Bà Lê Thị Hiệp	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	12.000.000	12.000.000
		700.335.935	904.730.355

7.5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Hội đồng Quản trị, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

7.6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



Người lập biểu
Nguyễn Thị Thanh Thúy



Kế toán trưởng
Nguyễn Văn Trung



Chủ tịch HĐQT
Trần Thị Yến Chi
Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2026

